

# INCOTERMS 2000

## LỜI NÓI ĐẦU

của Ông Maria Livanos Cattau, Tổng Thư Ký Phòng Thương mại Quốc Tế

Nền kinh tế toàn cầu mở ra cơ hội to lớn hơn bao giờ hết để doanh nghiệp tiếp cận tới các thị trường pháp nơi trên thế giới. Hàng hoá được bán ra ở nhiều nước hơn, với số lượng ngày càng lớn và chủng loại đa dạng hơn. Giao dịch mua bán quốc tế ngày càng nhiều và phức tạp, do vậy, nếu hợp đồng mua bán hàng hoá không được soạn thảo một cách kỹ lưỡng sẽ có nhiều khả năng dẫn đến sự hiểu nhầm và những vụ tranh chấp tốn kém tiền bạc.

Incoterms, quy tắc chính thức của Phòng Thương Mại Quốc tế về giải thích các điều kiện thương mại, tạo điều kiện cho giao dịch thương mại quốc tế diễn ra một cách trôi chảy. Việc dẫn chiếu đến Incoterms 2000 trong một hợp đồng mua bán hàng hoá sẽ phân định rõ ràng nghĩa vụ tương ứng của các bên và làm giảm nguy cơ rắc rối về mặt pháp lý.

Kể từ khi Incoterms được Phòng Thương mại Quốc tế soạn thảo năm 1936, chuẩn mực về hợp đồng mang tính toàn cầu này thương xuyên được cập nhật để bắt kịp với nhịp độ phát triển của thương mại quốc tế. Incoterms 2000 có cân nhắc tới sự xuất hiện nhiều khu vực miễn thuế tục hải quan trong thời gian và qua, việc sử dụng thông tin liên lạc điện tử ngày càng thông dụng, về cả những thay đổi về tập quán vận tải. Incoterms 2000 đã sửa đổi và thể hiện nội dung của 13 điều kiện thương mại một cách đơn giản hơn và rõ ràng hơn.

Kiến thức uyên thâm của Ban nghiên cứu Tập quán Thương mại Quốc tế thuộc ICC bao gồm các thành viên từ nhiều nước trên thế giới và thuộc tất cả các lĩnh vực thương mại đảm bảo Incoterms 2000 sẽ đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp khắp nơi.

Phòng Thương mại Quốc tế xin bày tỏ lòng biết ơn đối với các thành viên của Ban nghiên cứu Tập quán Thương mại Quốc tế do giáo sư Fabio Bortolotti (Italia) làm Chủ tịch. Nhóm công tác về "Điều kiện Thương mại" do giáo sư Jan Ramberg (Thụy Điển) làm Chủ tịch, và nhóm soạn thảo bao gồm Chủ tịch là giáo sư Charles Debattista (Anh), cùng các ông Robert De Roy (Bỉ), Philippe Rapatout (Pháp), Jen Bredow (Đức) và Frank Reynolds (Mỹ).

## NỘI DUNG CHÍNH CỦA INCOTERMS 2000

Phần dẫn giải

Phương thức vận tải và điều kiện tương ứng của Incoterms 2000

EXW: Giao tại xưởng

FCA: Giao cho người chuyên chở

FAS: Giao dọc mạn tàu

FOB: Giao lên tàu

CFR: Tiền hàng và cước

CIF: Tiền hàng, bảo hiểm và cước

CPT: Cước phí trả lời

CIP: Cước phí và bảo hiểm trả lời

DAF: Giao tại biên giới

DES: Giao tại tàu

DEQ: Giao tại cầu cảng

DDU: Giao chưa nộp thuế

DDP: Giao đã nộp thuế

# INCOTERMS

## PHẦN DẪN GIẢI

### 1. Mục đích và phạm vi áp dụng Incoterms

Mục đích của Incoterms là cung cấp một bộ quy tắc quốc tế để giải thích những điều kiện thương mại thông dụng nhất trong ngoại thương. Từ đó có thể tránh được, hoặc ít nhất là giảm được đáng kể, sự không chắc chắn do cách giải thích khác nhau về những điều kiện đó tại các nước khác nhau.

Nhiều khi các bên ký kết hợp đồng không biết rõ những tập quán thương mại của nước bên kia. Việc đó có thể gây ra những sự hiểu lầm, những vụ tranh chấp và kiện tụng gây ra sự lãng phí thì giờ và tiền bạc. Để giải quyết vấn đề này, Phòng Thương mại Quốc tế đã xuất bản lần đầu tiên năm 1936 một bộ quy tắc quốc tế để giải thích các điều kiện thương mại. Những quy tắc đó được mang tên Incoterms 1936. Việc sửa đổi và bổ sung những quy tắc đó vào các năm 1953, 1967, 1976, 1980, 1990 và nay là 2000, nhằm làm cho chúng phù hợp với những thực tiễn thương mại quốc tế hiện hành.

Cần nhấn mạnh rằng phạm vi áp dụng của Incoterms chỉ giới hạn trong những vấn đề có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng đối với việc giao hàng hoá được bán ( với nghĩa " Hàng hoá vật chất hữu hình ", không gồm những " hàng hoá vô hình " như phần mềm máy tính chẳng hạn).

Thường có hai sự hiểu nhầm về Incoterms. Thứ nhất, Incoterms nhiều khi được hiểu là áp dụng cho hợp đồng vận tải hơn là hợp đồng mua bán hàng. Thứ hai, đôi khi người ta hiểu sai các điều kiện này quy định tất cả các nghĩa vụ mà các bên muốn đưa vào trong một hợp đồng mua bán hàng.

Như ICC đã luôn lưu ý, Incoterms chỉ quy định về quan hệ giữa những người bán và người mua thuộc hợp đồng mua bán hàng, và hơn nữa, chỉ quy định về một số khía cạnh rất cụ thể mà thôi.

Một điều thiết yếu đối với các nhà xuất khẩu và các nhà nhập khẩu là phải xem xét mối liên quan thực tế giữa nhiều hợp đồng khác nhau cần thiết để thực hiện một vụ giao dịch mua bán hàng quốc tế trong đó không chỉ cần có hợp đồng mua bán hàng, mà cả hợp đồng vận tải, bảo hiểm và tài chính – trong khi đó, Incoterms chỉ liên quan duy nhất tới một trong số các hợp đồng này, đó là hợp đồng mua bán hàng.

Tuy vậy, việc các bên thoả thuận sử dụng một điều kiện cụ thể của Incoterms sẽ mang một số ngụ ý có quan hệ mật thiết với các hợp đồng khác. Xin nêu một số ví dụ, một người bán đã đồng ý hợp đồng với điều kiện CFR hoặc CIF thì không thể thực hiện hợp đồng đó bằng phương thức vận tải nào khác ngoài chuyên chở bằng đường biển, bởi vì theo các điều kiện CFR hoặc CIF người bán phải xuất trình một vận đơn đường biển hoặc chứng từ hàng hải khác cho người mua, điều này không thể thực hiện được nếu sử dụng phương thức vận tải khác. Hơn nữa, chứng từ mà khoản tín dụng chứng từ đòi hỏi sẽ phụ thuộc vào phương tiện vận tải được dự định sử dụng.

Thứ hai, Incoterms quy định một số nghĩa vụ được xác định cụ thể đối với các bên – như nghĩa vụ của người bán phải đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua hoặc chuyển giao hàng cho người chuyên chở hoặc giao hàng tới địa điểm quy định- và cùng với các nghĩa vụ là sự phân chia rủi ro giữa các bên trong từng trường hợp.

Hơn nữa, các điều kiện của Incoterms quy định nghĩa vụ làm các thủ tục thông quan cho hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu, bao bì đóng gói hàng hoá, nghĩa vụ của người mua về chấp nhận việc giao hàng cũng như nghĩa vụ cung cấp bằng chứng chứng tỏ rằng các nghĩa vụ tương ứng của bên kia đã được thực hiện đầy đủ. Mặc dù Incoterms cực kỳ quan trọng cho việc thực hiện các hợp đồng mua bán hàng, song còn nhiều vấn đề có thể xảy ra trong hợp đồng đó không được Incoterms điều chỉnh, như việc chuyển giao quyền sở hữu và các quyền về tài sản khác, sự vi phạm hợp đồng và các hậu quả của sự vi phạm hợp đồng cũng như những miễn trừ về nghĩa vụ trong những hoàn cảnh nhất định. Cần nhấn mạnh rằng Incoterms không có ý định thay thế các điều khoản và điều kiện cần phải có đối với một hợp đồng mua bán hàng hoàn chỉnh bằng việc đưa vào các điều kiện chuẩn hoặc các điều kiện được thoả thuận riêng biệt.

Nhìn chung, Incoterms không điều chỉnh hậu quả của sự vi phạm hợp đồng và bất kỳ sự miễn trừ nghĩa vụ nào do nhiều trở ngại gây ra. Các vấn đề này phải được giải quyết bằng những quy định khác trong hợp đồng mua bán hàng và luật điều chỉnh hợp đồng đó.

Incoterms luôn luôn và chủ yếu được sử dụng khi hàng hoá được bán và giao qua biên giới quốc gia: do vậy Incoterms là các điều kiện thương mại quốc tế. Tuy nhiên, trong thực tế cũng có khi Incoterms được đưa vào hợp đồng mua bán hàng trong thị trường nội địa thuần túy. Trong trường hợp Incoterms được sử dụng như vậy, các điều kiện A2 và B2 và các quy định khác trong các điều khoản về xuất nhập khẩu trở nên thừa.

## **2. Tại sao phải sửa đổi Incoterms?**

Lý do chính của việc liên tục sửa đổi Incoterms là nhu cầu làm cho chúng phù hợp với tập quán thương mại hiện hành. Do vậy, trong lần sửa đổi năm 1980 điều kiện " Giao cho người chuyên chở " ( nay là FCA) đã được đưa vào để thích ứng với trường hợp hay xảy ra là điểm tiếp nhận trong thương mại hàng hải không còn là điểm FOB truyền thống (qua lan can tàu) nữa mà là một điểm trên đất liền, trước khi bốc hàng lên tàu, và hàng đã được xếp trong con-te-nơ để sau đó được vận chuyển bằng đường biển hoặc bằng cách kết hợp các phương tiện vận tải khác nhau ( được gọi là vận tải liên hợp hoặc đa phương thức ).

Hơn nữa, trong lần sửa đổi Incoterms năm 1990, các điều khoản quy định nghĩa vụ của người bán cung cấp bằng chứng về việc giao hàng cho phép thay thế chứng từ trên giấy bằng thông điệp điện tử ( EDI ) với điều kiện các bên đồng ý trao đổi thông tin bằng điện tử. Một điều rõ ràng là luôn có những nỗ lực để cải tiến việc soạn thảo và trình bày Incoterms nhằm tạo điều kiện cho việc thực hiện các điều kiện đó trên thực tế.

## **3. Incoterms 2000**

Trong quá trình sửa đổi, kéo dài khoảng hai năm, Phòng Thương mại Quốc tế đã có cố gắng tối đa để lấy ý kiến đánh giá và nhận xét góp ý về các bản thảo Incoterms của các thương nhân trên thế giới thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau-những lĩnh vực mà Phòng Thương mại Quốc tế có hoạt động thông qua Uỷ ban quốc gia. Một điều đáng hài lòng là quá trình sửa đổi lần này đã nhận được sự hưởng ứng to lớn hơn nhiều so với các lần sửa đổi trước đây từ phía những người sử dụng Incoterms. Kết quả của cuộc trao đổi đối thoại này là Incoterms 2000, một bản sửa đổi mà nếu so với Incoterms 1990 sẽ thấy ít có sự thay đổi. Tuy nhiên, một điều rõ ràng là Incoterms ngày nay đã được toàn thế giới công nhận, và do vậy Phòng Thương mại Quốc tế đã quyết định ủng hộ sự công nhận này và tránh những thay đổi chỉ để phục vụ lợi ích của riêng mình. Mặt khác, Phòng Thương mại Quốc tế cũng thực sự cố gắng để đảm bảo từ ngữ sử dụng trong

Incoterms 2000 phản ánh rõ ràng và đầy đủ tập quán thương mại. Cụ thể hai lĩnh vực sau đây có sự thay đổi lớn:

- các nghĩa vụ thông quan và nộp thuế thuộc điều kiện FAS và DEQ; và
- các nghĩa vụ bốc hàng và dỡ hàng thuộc điều kiện FCA.

Tất cả những thay đổi, dù là về nội dung hay hình thức, đều được tiến hành dựa trên cơ sở nghiên cứu và thăm dò kỹ lưỡng những người sử dụng Incoterms và đặc biệt là căn cứ vào những câu hỏi và thắc mắc mà Ban Chuyên gia Incoterms- ban cung cấp dịch vụ cho người sử dụng Incoterms- đã nhận được kể từ năm 1990.

#### **4. Dẫn chiếu Incoterms vào hợp đồng mua bán hàng**

Do những sự sửa đổi với Incoterms trong từng thời kỳ khác nhau, nên một điều quan trọng cần lưu ý là khi các bên muốn đưa Incoterms vào hợp đồng mua bán hàng của họ cần phải có sự dẫn chiếu rõ ràng về Incoterms nào. Điều này dễ bị bỏ qua trong nhiều trường hợp, ví dụ, các nhà kinh doanh sử dụng mẫu hợp đồng tiêu chuẩn cũ hoặc mẫu đơn hàng trong đó đã dẫn chiếu tới Incoterms cũ trước đây. Việc không dẫn chiếu tới bản Incoterms hiện hành có thể dẫn đến sự tranh chấp về ý định của các bên là lấy bản Incoterms hiện hành hay lấy bản Incoterms trước đây làm một bộ phận cấu thành hợp đồng của mình. Do vậy, các thương nhân muốn sử dụng Incoterms 2000 phải nêu rõ ràng và cụ thể rằng hợp đồng của họ được điều chỉnh bởi " Incoterms 2000 ".

#### **5. Cách sắp xếp Incoterms**

Năm 1990, để dễ hiểu, các điều kiện được tập hợp vào trong 4 nhóm khác nhau về cơ bản, cụ thể, thứ nhất là nhóm "E" theo đó người bán đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua ngay tại xưởng của người bán ( Điều kiện "E " giao tại xưởng); thứ hai là nhóm "F " mà theo đó người bán được yêu cầu giao hàng hoá cho một người chuyên chở do người mua chỉ định ( nhóm điều kiện "F " FCA, FAS và FOB ), tiếp theo là nhóm " C ", theo đó người bán phải ký hợp đồng vận tải, nhưng không chịu rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá hoặc các phí tổn phát sinh thêm do các tình huống xảy ra sau khi đã gửi hàng và bốc hàng lên tàu ( CFR, CIF, CPT và CIP ); và cuối cùng là nhóm "D ", theo đó người bán phải chịu mọi phí tổn và rủi ro cần thiết để đưa hàng hoá tới nơi đến ( DAF, DES, DEQ, DDU, và DDP ). Bảng dưới đây cho thấy các điều kiện phân nhóm thương mại

### **INCOTERMS 2000**

#### **Nhóm E Nơi đi**

**EXW** Giao tại xưởng (...địa điểm quy định )

#### **Nhóm F Tiền vận chuyển chưa trả**

**FCA** Giao cho người chuyên chở (... địa điểm quy định)

**FAS** Giao dọc mạn tàu (... cảng bốc hàng quy định )

**FOB** Giao lên tàu ( ... cảng bốc hàng quy định )

#### **Nhóm C Tiền vận chuyển đã trả**

**CFR** Tiền hàng và cước (... cảng đến quy định )

**CIF** Tiền hàng bảo hiểm và cước (... cảng đến quy định )

**CPT** Cước phí trả tới (... nơi đến quy định )

**CIP** Cước phí và bảo hiểm trả tới (... nơi đến quy định )

#### **Nhóm D Nơi đến**

**DAF** Giao tại biên giới (... địa điểm quy định )

- DES** Giao tại tàu (... cảng đến quy định )
- DEQ** Giao tại cầu cảng (... cảng đến quy định )
- DDU** Giao chưa nộp thuế (... Nơi đến quy định )
- DDP** Giao đã nộp thuế ( ... Nơi đến quy định )

Ngoài ra trong tất cả các điều kiện, giống như trình bày ở Incoterms 1990, nghĩa vụ tương ứng của các bên được tập hợp dưới 10 tiêu đề, mỗi tiêu đề đều nêu nghĩa vụ của người bán và nghĩa vụ tương ứng của người mua

## 6. Thuật ngữ

Trong quá trình soạn thảo Incoterms 2000, đã có nhiều cố gắng trong việc thống nhất tới mức tối đa về các thuật ngữ sử dụng trong 13 điều kiện, và tránh sử dụng các cụm từ khác nhau để truyền đạt cùng một ý nghĩa. Trong trường hợp có thể, những cụm từ tương đương của Công ước của Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Quốc tế Hàng hoá ( CISG ) cũng được sử dụng.

### " người gửi hàng " ( " shipper " )

Trong một số trường hợp, việc sử dụng cùng một thuật ngữ để diễn đạt hai nghĩa khác nhau là cần thiết, đơn giản là vì không có một từ thay thế phù hợp. Các thương nhân sẽ quen với sự rắc rối này trong cả hai trường hợp của hợp đồng mua bán hàng và hợp đồng vận tải. Ví dụ, từ " người gửi hàng " ( "shipper" ) vừa mang nghĩa là người gửi hàng vừa mang nghĩa là người ký hợp đồng vận tải với người chuyên chở. Tuy nhiên, đây lại có thể là hai người khác nhau, như trong hợp đồng ký theo điều kiện FOB thì người bán là người gửi hàng còn người mua là người ký hợp đồng vận tải.

### " giao hàng " ( " delivery " )

Cần đặc biệt lưu ý rằng thuật ngữ " giao hàng " ( " delivery " ) được sử dụng với hai nghĩa khác nhau trong Incoterms. Thứ nhất, nó được sử dụng để quy định thời hạn mà người bán phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng được nêu trong điều A4 ở tất cả các điều kiện của Incoterms. Thứ hai, thuật ngữ " giao hàng " ( " delivery " ) cũng được sử dụng để nói lên nghĩa vụ của người mua về chấp nhận việc giao hàng- nghĩa vụ được nêu trong điều B4 ở tất cả các điều kiện của Incoterms. Trong ngữ cảnh thứ hai này, từ " giao hàng " ( " delivery " ) có nghĩa thứ nhất là người mua " chấp nhận " chính bản chất của nhóm điều kiện " C ", đó là người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng của mình; và thứ hai là người mua có nghĩa vụ nhận hàng. Nghĩa vụ thứ hai rất quan trọng bởi lẽ nó tránh được những chi phí không bắt buộc phải có đối với việc bảo quản, lưu kho hàng hoá cho đến khi người mua tiếp nhận hàng. Vì vậy, trong các hợp đồng ký theo điều kiện CFR và CIF, người mua buộc phải chấp nhận giao hàng và nhận hàng từ người chuyên chở, và nếu người mua không thực hiện đúng như vậy, thì họ có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bán khi người bán là người đứng ra ký hợp đồng vận tải với người chuyên chở, hoặc trong trường hợp người ký hợp đồng vận tải là người mua thì người mua có thể phải trả tiền phạt bốc dỡ chậm trễ người chuyên chở cho nhận hàng. Trong ngữ cảnh này, khi ta nói người mua phải "chấp nhận giao hàng " thì điều này không có nghĩa là người mua chấp nhận hàng hoá theo quy định trong hợp đồng mua bán, mà chỉ có nghĩa là người mua chấp nhận người bán thực hiện nghĩa vụ của mình là giao hàng để chuyên chở theo quy định của hợp đồng vận tải mà người bán phải thực hiện theo quy định tại khoản A3 (a) của nhóm điều kiện " C ". Vì vậy nếu người mua khi nhận hàng ở nơi đến phát hiện rằng hàng hoá mà người mua nhận không phù hợp với những quy định trong hợp đồng mua bán, thì người mua có thể dùng bất kỳ biện pháp nào mà hợp đồng mua bán và luật điều chỉnh hợp đồng đó cho phép áp dụng với người bán, bất kể biện pháp đó là gì thì cũng nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Incoterms.

Ở những chỗ thích hợp, Incoterms 2000 sử dụng cụm từ " đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của " người mua khi hàng hoá đã sẵn sàng được giao cho người mua tại một địa điểm quy định nào đó. Incoterms có ý định sử dụng cụm từ này với nghĩa giống cụm từ " chuyển giao hàng hoá " được sử dụng trong Công ước năm 1980 của Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Quốc tế Hàng hoá.

### **"thông thường " ( " usual " )**

Từ " thông thường " ( "usual" ) xuất hiện trong một số điều kiện, ví dụ trong EXW để đề cập tới thời điểm giao hàng (A4) và trong nhóm điều kiện "C " để đề cập tới những chứng từ mà người bán có nghĩa vụ cung cấp và hợp đồng vận tải mà người bán phải ký kết ( A8,A3 ). Tất nhiên, khó có thể nói chính xác rằng nghĩa của từ " thông thường " ( "usual" ) là gì, tuy nhiên, trong nhiều trường hợp lại có thể nhận ra người nào trong giao dịch thường phải làm gì, và thực tiễn đó sẽ đóng vai trò làm kim chỉ nam cho hành động. Theo nghĩa này thì từ " thông thường " ( "usual" ) lại tỏ ra hữu hiệu hơn từ " hợp lý " ( Tiếng Anh " reasonable " ) vì từ " hợp lý " không đòi hỏi sự so sánh liên hệ tới tập quán mà chỉ mang ý nghĩa liên quan tới những nguyên tắc về thiện chí và giao dịch hữu hảo. Trong vài trường hợp, tốt nhất phải quyết định xem như thế nào là " hợp lý "( " reasonable " ). Với những lý do trên, trong Incoterms thì từ " thông thường "( " usual " ) nhìn chung lại được mọi người thích dùng hơn là từ " hợp lý " ( " reasonable " ).

### **"Lệ phí " ( " charges " )**

Có một điều quan trọng khi nói tới nghĩa vụ thông quan cho hàng nhập khẩu đó là các " lệ phí " phải nộp để nhập khẩu hàng hoá phải được hiểu là gì. Trong Incoterms 1990, cụm từ " những lệ phí chính thức phải trả cho việc xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá " được sử dụng trong điều kiện DDP điều A6. Trong điều kiện DDP điều A6 của Incoterms 2000 thì từ "chính thức " đã được xoá bỏ, với lý do từ này gây ra sự không rõ ràng khi xác định xem lệ phí đó có phải là " chính thức " hay không. Việc loại bỏ từ này không hàm ý một sự thay đổi lớn về nghĩa vốn có. Những " lệ phí " phải trả chỉ là những loại phí cần phải nộp để nhập khẩu hàng hoá theo quy định áp dụng đối với việc nhập khẩu. Bất kỳ một khoản phụ phí nào do tổ chức tư nhân thu, tuy có liên quan đến việc nhập khẩu nhưng sẽ không được tính vào những lệ phí này, ví dụ như các chi phí bảo quản lưu kho hàng hoá mà không liên quan đến nghĩa vụ thông quan. Tuy nhiên việc thực hiện nghĩa vụ này có thể làm phát sinh thêm những khoản chi phí phải trả cho người kê khai thuế hải quan hoặc người giao nhận nếu bên có nghĩa vụ thông quan cho hàng hoá không tự mình làm.

### **" cảng ", "nơi- địa điểm ", " điểm", và "cơ sở "( " ports ", " places ", " points " và " premises " )**

Có nhiều cụm từ khác nhau được sử dụng để nói tới nơi mà hàng hoá được giao với ý nghĩa khác nhau của Incoterms. Những cụm từ như " cảng gửi hàng " và " cảng đến " được sử dụng trong những điều kiện chỉ áp dụng cho vận tải biển, đó là FAS, FOB, CFR, CIF, DES, và DEQ. Trong tất cả các điều kiện khác thì cụm từ " nơi hoặc địa điểm " được sử dụng. Trong một số trường hợp phải sử dụng từ "điểm " tại cảng hoặc địa điểm quy định. Điều này có thể quan trọng vì người bán không chỉ cần phải biết nơi phải giao hàng, ví dụ là một thành phố, mà còn cả khu vực cụ thể mà tại đó hàng sẽ được đặt dưới quyền định đoạt của người mua. Các hợp đồng mua bán thường thiếu những thông tin quy định về điều này, do đó Incoterms quy định trong trường hợp chưa có một điểm giao hàng rõ ràng tại một nơi đã được chỉ định, và trong trường hợp có nhiều điểm có thể giao hàng thì người bán có thể lựa chọn điểm phù hợp nhất cho công việc của mình (ví dụ như trong điều kiện FCA ), điểm giao hàng là địa điểm của người bán thì cụm từ " cơ sở của người bán " được sử dụng.

### **" tàu " và " tàu biển " ( " ship " và " vessel " )**

Trong các điều kiện áp dụng cho vận tải biển, thì từ " tàu " và " tàu biển " ( " ship " và " vessel " ) được dùng như hai từ đồng nghĩa. Chúng ta biết rằng từ " tàu " ( " ship " ) sẽ được sử dụng khi nó là một bộ phận trong tên của điều kiện thương mại như " giao dọc mạn tàu "[ " free along side ship " (FAS)] và " giao tại tàu " [( " delivery ex ship " (DES )]. Và trong cụm từ truyền thống " qua lan can tàu " ( " passed ship's rail " ) của điều kiện FOB, thì từ " tàu " ( " ship " ) cũng đã được sử dụng.

### **" kiểm tra " và " giám định "( "checking " and " inspection" )**

Trong các điều A9 và B9 của incoterms, tiêu đề " kiểm tra - bao bì đóng gói và ký mã hiệu "( "checking - packaging and marking" ) và " giám định " hàng hoá " ( " inspection of the goods " ) lần lượt được sử dụng. Mặc dù từ " kiểm tra " ( "checking " ) và " giám định " ( " inspection " ) là hai từ đồng nghĩa, nhưng sẽ là phù hợp khi dùng từ " kiểm tra " ( "checking " ) cho nghĩa vụ giao hàng của người bán trong điều A4 và dành từ " giám định " ( " inspection " ) cho trường hợp đặc biệt khi tiến hành việc "giám định " trước khi giao hàng, vì việc kiểm tra như thể thường chỉ phải làm khi người mua hoặc cơ quan chức năng của nước xuất ( nhập) khẩu muốn đảm bảo rằng hàng hoá phù hợp với những quy định của hợp đồng hoặc của cơ quan quản lý trước khi được gửi đi.

## **7. Nghĩa vụ giao hàng của người bán**

Incoterms chú trọng vào nghĩa vụ giao hàng của người bán. Việc phân chia một cách rõ ràng và chính xác các trách nhiệm và phí tổn liên quan đến việc giao hàng của người bán thông thường sẽ không khó khăn trong trường hợp các bên có mối quan hệ thương mại thường xuyên. Khi đó các bên sẽ xây dựng một tập quán giữa hai bên với nhau ( " chu trình giao dịch" ) mà hai bên sẽ áp dụng trong các vụ giao dịch tiếp theo với cách thức tương tự như đã từng tiến hành trước đó. Tuy nhiên, đối với mối quan hệ thương mại mới được thiết lập hoặc nếu hợp đồng được lập thông qua người môi giới trung gian - như thường xảy ra trong các vụ giao dịch mua bán hàng hoá - các bên cần phải sử dụng các quy định của hợp đồng mua bán hàng và, trong trường hợp Incoterms 2000 đã được dẫn chiếu đưa vào hợp đồng đó, thì phải áp dụng sự phân chia trách nhiệm, phí tổn và rủi ro theo Incoterms 2000.

Lẽ tất nhiên, mọi người đều mong muốn Incoterms nêu một cách cụ thể và chi tiết tới đa nghĩa vụ của các bên đối với việc giao hàng. So với Incoterms 1990, Incoterms 2000 đã có nhiều nỗ lực hơn theo hướng này trong một số trường hợp cụ thể ( xem điều kiện FCA A4 ). Nhưng vẫn không tránh khỏi việc phải tham chiếu tới một số thông lệ thương mại trong điều kiện FAS và FOB điều A4 ( " theo tập quán thông thường tại cảng " ) với lý do là trong mua bán hàng hoá, tại các cảng biển khác nhau lại có những cách thức khác nhau về việc chuyển giao hàng cho người chuyên chở theo điều kiện FAS và FOB.

## **8. Chuyển rủi ro và phân chia phí tổn liên quan đến hàng hoá.**

Những rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá, cũng như nghĩa vụ phải chịu các phí tổn liên quan tới hàng hoá, chuyển từ người bán sang người mua khi người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng. Do người mua không thể trì hoãn việc chuyển giao rủi ro và phí tổn, mọi điều kiện đều quy định rõ ràng việc chuyển giao rủi ro và chi phí có thể xảy ra trước khi diễn ra việc giao hàng, nếu người mua không chấp nhận việc giao hàng như đã được quy định hoặc không thông báo những hướng dẫn( về thời gian gửi hàng và/ hoặc địa điểm giao hàng ) mà người bán có thể yêu cầu để thực hiện nghĩa vụ giao hàng của mình. Trong trường hợp đó, việc chuyển giao rủi ro và chi phí khi hàng hoá đã được đặc định hoá dành cho người mua hoặc, như được quy định trong các

điều kiện của Incoterms là được để dành riêng cho người mua ( cá biệt hoá-appropriation ).

Việc chuyển giao có tính chất trước hạn định như vậy đặc biệt quan trọng trong điều kiện EXW, vì theo tất cả các điều kiện khác của Incoterms hàng hoá được xác định là dành cho người mua khi các biện pháp gửi hàng ( theo các điều kiện nhóm " F " và nhóm " C " ) hoặc việc giao hàng tại nơi đến (theo các điều kiện nhóm"D") đã được thực hiện. Tuy nhiên vẫn có trường hợp ngoại lệ, khi người bán gửi hàng rời cho nhiều người mua cùng một lúc song không xác định số lượng cụ thể đối với từng người mua, nếu như vậy, việc chuyển giao rủi ro và chi phí không thể xảy ra khi hàng được dành riêng như vừa nêu ( xem điều 69.3 của Công ước năm 1980 của Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Quốc tế Hàng hoá ).

## **9. Các điều kiện**

**9.1 Điều kiện "E"** là điều kiện mà theo đó người bán có nghĩa vụ tối thiểu: người bán không phải làm gì thêm ngoài việc đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua tại địa điểm quy định – thông thường là tại cơ sở của người bán. Thế nhưng trong thực tế, người bán thường giúp đỡ người mua trong việc bốc hàng lên phương tiện tiếp nhận của người mua. Mặc dù điều kiện EXW có thể thể hiện điều này rõ ràng hơn nếu quy định thêm việc bốc hàng vào phần nghĩa vụ của người bán, song người ta vẫn muốn giữ nguyên tắc truyền thống của EXW là quy định trách nhiệm của người bán ở mức tối thiểu theo điều kiện EXW để có thể sử dụng trong trường hợp người bán không muốn đảm nhận bất kỳ nghĩa vụ nào về việc bốc hàng. Nếu người mua muốn người bán đảm nhận thêm nghĩa vụ khác thì phải nêu rõ trong hợp đồng mua bán hàng.

**9.2 Các điều kiện "F"** đòi hỏi người bán giao hàng cho người chuyên chở do người mua chỉ định. Quy định về "điểm" mà tại đó các bên có ý định tiến hành việc giao hàng theo điều kiện FCA trước đây đã gây một số khó khăn vì có rất nhiều tình huống có thể xảy ra đối với hợp đồng áp dụng điều kiện này. Do vậy, hàng hoá có thể được bốc lên phương tiện tiếp nhận do người mua đưa tới để nhận hàng tại cơ sở của người bán; hoặc hàng hoá có thể cần phải được dỡ xuống từ một phương tiện do người bán đưa tới để giao hàng tại một bến do người mua quy định. Incoterms 2000 đã cân nhắc về các khả năng này và quy định rằng, trong trường hợp địa điểm giao hàng được quy định trong hợp đồng là xưởng của người bán thì việc giao hàng hoàn thành khi hàng được bốc lên phương tiện tiếp nhận do người mua đưa tới, và trong các trường hợp khác thì việc giao hàng hoàn thành sau khi hàng được đặt dưới quyền định đoạt của người mua và chưa dỡ khỏi phương tiện của người bán. Những quy định đối với các phương thức vận tải khác nhau nêu trong điều A4 của FCA Incoterms 1990 không được nhắc lại trong Incoterms 2000.

Điểm giao hàng theo điều kiện FOB, giống như điểm giao hàng theo điều kiện CFR và CIF, trong Incoterms 2000 vẫn giữ nguyên không thay đổi mặc dù có sự tranh luận đáng kể. Quy định "giao hàng qua lan can tàu" theo điều kiện FOB ngày nay tỏ ra không phù hợp trong nhiều trường hợp, tuy vậy, các thương nhân hiểu điều này và khi áp dụng quy định này đã suy xét tới hàng hoá và phương tiện bốc hàng thực tế. Mọi người cảm thấy rằng việc thay đổi điểm giao hàng của điều kiện FOB có thể sẽ gây sự rắc rối không cần thiết đặc biệt là đối với việc bán các hàng hoá chuyên chở bằng đường biển và nhất là theo các hợp đồng thuê tàu.

Rất đáng tiếc, một số thương nhân lại sử dụng từ "FOB" để chỉ bất cứ điểm giao hàng nào – như "FOB nhà máy", "FOB xí nghiệp" "FOB tại xưởng của người bán" hoặc các địa điểm khác trên đất liền – mà không để ý rằng từ viết tắt này có ý nghĩa "giao lên



tàu" (tàu biển) (tiếng Anh "**F**ree **O**n **B**oard"). Cần tránh việc sử dụng từ "FOB" như vậy vì sẽ gây hiểu nhầm.

Có một thay đổi quan trọng trong điều kiện FAS liên quan tới nghĩa vụ làm thủ tục thông quan xuất khẩu cho hàng hoá, có lẽ tập quán thông dụng nhất là để nghĩa vụ này thuộc phía người bán hơn là phía người mua. Để lưu ý về sự thay đổi này, nghĩa vụ làm thủ tục thông quan xuất khẩu đã được in bằng chữ hoa trong phần mở đầu của điều kiện FAS.

**9.3 Các điều kiện "C"** đòi hỏi người bán ký hợp đồng vận tải theo các điều kiện thông thường và chịu chi phí về việc chuyên chở đó. Do vậy, cần phải nêu rõ địa điểm mà người bán phải chịu phí tổn chuyên chở tới đó ngay sau điều kiện "C" được chọn. Theo điều kiện CIF và CIP, người bán còn phải mua bảo hiểm và chịu chi phí về bảo hiểm. Do điểm phân chia phí tổn hại ở tại nước hàng đến, người ta thường tưởng lầm rằng các điều kiện "C" là những hợp đồng mua bán hàng đến đích, theo đó người bán phải chịu mọi rủi ro và phí tổn cho đến khi hàng hoá thực sự tới nơi quy định. Nhưng cần nhấn mạnh rằng tính chất của các điều kiện "C" cũng giống như tính chất của các điều kiện "F" ở chỗ là người bán đã làm xong nghĩa vụ của mình tại nơi gửi hàng. Như vậy, những hợp đồng mua bán hàng theo điều kiện "C" cũng như những hợp đồng mua bán hàng theo điều kiện "F" đều thuộc loại hợp đồng gửi hàng đi. Bản chất của các hợp đồng gửi hàng đi là người bán có nghĩa vụ phải chịu chi phí vận tải thông thường cho việc chuyên chở hàng hoá theo tuyến đường thông thường tới địa điểm quy định, song tất cả rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cũng như các chi phí phát sinh do các tình huống xảy ra sau khi hàng được giao cho người chuyên chở đều thuộc về người mua. Vì vậy, các điều kiện "C" khác so với tất cả các điều kiện còn lại ở chỗ các điều kiện "C" bao gồm hai "điểm phân định", một điểm chỉ giới hạn mà người bán phải thu xếp và chịu phí tổn của một hợp đồng vận tải tới đó, và một điểm phân chia rủi ro. Chính vì lý do đó, cần hết sức thận trọng khi thêm vào điều kiện "C" ở các nghĩa vụ khác của người bán nhằm quy định thêm trách nhiệm của người bán trong giai đoạn sau điểm phân định rủi ro nêu trên. Điều căn bản của những điều kiện "C" là người bán được miễn trách về những rủi ro và chi phí phát sinh sau khi người bán đã hoàn thành hợp đồng của mình bằng việc ký hợp đồng vận tải và chuyển giao hàng cho người chuyên chở, và mua bảo hiểm theo các điều kiện CIF và CIP.

Một điều căn bản nữa là do các điều kiện "C" là các điều kiện của loại hợp đồng gửi hàng đi, nên phương thức thanh toán hay được sử dụng trong các điều kiện này là tín dụng chứng từ. Khi đã được các bên thống nhất và quy định trong hợp đồng mua bán hàng rằng người bán sẽ được thanh toán khi xuất trình các chứng từ giao hàng quy định với một ngân hàng theo một phương thức tín dụng chứng từ, thì việc người bán phải chịu rủi ro và chi phí sau thời điểm đã được trả tiền theo các phương thức tín dụng chứng từ hoặc phương thức tương tự khác sau khi đã gửi hàng đi là hoàn toàn trái với mục đích tín dụng chứng từ. Tuy nhiên, người bán phải chịu chi phí vận chuyển cho dù đó là cước trả khi gửi hàng hoặc cước trả khi hàng tới nơi đến (cước trả sau), còn các chi phí phát sinh thêm do các tình huống xảy ra sau khi đã gửi hàng đi do người mua phải chịu.

Nếu người bán phải cung cấp một hợp đồng vận tải trong đó bao gồm cả việc phải trả thuế hải quan, các loại thuế và phí khác, thì những chi phí này sẽ do người bán chịu với điều kiện trong hợp đồng vận tải có quy định như vậy. Điều này được nêu cụ thể trong điều A6 của tất cả các điều kiện "C".

Nếu phải ký nhiều hợp đồng vận tải đòi hỏi có sự chuyển tải hàng hoá ở những nơi trung gian trước khi tới nơi đến cuối cùng, người bán phải chịu những chi phí đó kể

cả những chi phí dỡ hàng và bốc hàng từ phương tiện vận tải này sang phương tiện vận tải khác. Tuy nhiên nếu người chuyên chở sử dụng quyền của mình theo một điều khoản về chuyên tải hoặc một điều khoản tương tự để tránh những trở ngại không thể lường trước (như nước đóng băng, ách tắc giao thông, biến động trong giới lao động, lệnh của chính phủ, chiến tranh hoặc các hành vi chiến tranh) thì những chi phí phát sinh từ các sự việc đó sẽ do người mua phải chịu, vì nghĩa vụ của người bán chỉ giới hạn trong việc ký hợp đồng vận tải thông thường.

Nhiều khi các bên của hợp đồng mua bán hàng lại muốn quy định rõ ràng người bán phải cung cấp một hợp đồng vận tải bao gồm cả chi phí dỡ hàng. Thông thường chi phí này nằm trong cước phí khi hàng hoá được vận tải bằng các hãng vận tải tàu chợ, hợp đồng mua bán hàng thường quy định rõ hàng hoá phải được chuyên chở theo "điều kiện tàu chợ" (tiếng Anh "liner terms"). Còn trong những trường hợp khác, người ta thêm chữ "dỡ lên bờ" ("landed") vào sau các từ CFR hoặc CIF. Tuy nhiên không nên thêm các chữ viết tắt vào sau các điều kiện "C", trừ khi nghĩa của các từ đó đã được các bên trong hợp đồng hiểu rõ và chấp nhận, hoặc phù hợp với luật áp dụng cho hợp đồng đó và phù hợp với tập quán của chuyên ngành thương mại đó.

Nói riêng, người bán không nên và thực tế là không thể, nếu như không thay đổi bản chất của các điều kiện "C" - đảm nhận bất cứ nghĩa vụ gì về việc hàng đi tới đích, vì mọi rủi ro về việc chậm trễ trong quá trình chuyên chở đều do người mua chịu. Tất cả các nghĩa vụ về thời hạn cần phải gắn với nơi gửi hàng, ví dụ "gửi hàng chậm nhất ngày...". Nếu như hai bên có thoả thuận rằng "CFR Hamburg chậm nhất ngày..." thì đó là một sai lầm và nó có thể dẫn đến nhiều cách suy diễn khác nhau. Đối với một thoả thuận như vậy, có thể cho rằng các bên muốn hàng hoá phải đến Hamburg vào ngày nêu cụ thể đó, mà như vậy hợp đồng đó sẽ không còn là một hợp đồng nơi gửi hàng đi mà là hợp đồng nơi hàng đến; nhưng cũng có thể hiểu rằng người bán phải gửi hàng vào một thời điểm trước đó sao cho hàng có thể tới Hamburg trước ngày đó trừ khi việc vận chuyển bị chậm trễ do những tình huống không lường trước được.

Trong mua bán hàng hoá, có thể xảy ra trường hợp hàng được bán trong khi đang trên đường vận chuyển bằng đường biển, khi đó người ta viết thêm chữ "hàng nổi" ("afloat") vào sau điều kiện thương mại. Vì theo các điều kiện CFR và CIF, rủi ro về mất mát và hư hại đối với hàng hoá đã chuyển từ người bán sang người mua, nên có thể nảy sinh những khó khăn về việc suy diễn. Một khả năng là vẫn giữ nghĩa thông thường của các điều kiện CFR và CIF về việc phân chia rủi ro giữa người bán và người mua, như vậy có nghĩa rằng người mua có thể phải chịu hậu quả của những sự kiện đã xảy ra trước khi hợp đồng mua bán hàng đó có hiệu lực. Một khả năng khác là thời điểm chuyển rủi ro là thời điểm ký kết hợp đồng. Khả năng thứ nhất thực tế hơn vì thông thường không thể tiến hành kiểm tra và xác định tình trạng hàng hoá đang trên đường vận chuyển. Vì vậy Công ước năm 1980 của Liên Hiệp Quốc về Hợp đồng Mua Bán Quốc tế Hàng hoá đã quy định trong điều 68 rằng "nếu hoàn cảnh cho thấy như vậy, thì người mua chịu rủi ro kể từ khi hàng hoá được giao cho người chuyên chở, là người đã ký phát những chứng từ thể hiện hợp đồng vận tải". Tuy nhiên có một ngoại lệ đối với quy tắc này khi "người bán đã biết hoặc đáng lẽ phải biết rằng hàng hoá đã bị mất hay hư hại và không thông báo việc này cho người mua". Do vậy, ý nghĩa và nội dung của điều kiện CFR và CIF có thêm từ "hàng nổi" ("afloat") còn phụ thuộc vào luật áp dụng đối với hợp đồng. Các bên cần phải nắm được luật điều chỉnh hợp đồng và các giải pháp áp dụng của luật đó. Trong trường hợp còn nghi vấn, các bên cần làm rõ vấn đề trong hợp đồng.

Trong thực tế, các bên vẫn thường tiếp tục sử dụng các cách thể hiện C&F (hoặc "C and F", "C + F") truyền thống trước đây. Nếu viết như vậy, trong hầu hết các trường

hợp có thể hiểu là họ cho rằng các cách thể hiện này tương đương với CFR. Để tránh những khó khăn trong việc xác định điều kiện và điều khoản hợp đồng của họ, các bên nên sử dụng điều kiện chính xác của incoterms là CFR – từ viết tắt chuẩn mực duy nhất được toàn thế giới công nhận cho điều kiện "Tiền hàng và Cước (... cảng đến quy định)" [tiếng Anh "Cost and Freight (... named port of destination)"].

Điều A8 của CFR và CIF trong Incoterms 1990 quy định nghĩa vụ của người bán phải cung cấp một bản sao của hợp đồng thuê tàu trong trường hợp chứng từ vận tải (thường là vận đơn đường biển) có dẫn chiếu tới Hợp đồng thuê tàu, ví dụ: thường có lời ghi chú "mọi điều khoản và điều kiện khác như hợp đồng thuê tàu". Mặc dù, khi ký kết hợp đồng các bên của hợp đồng đương nhiên phải hiểu rõ tất cả mọi điều khoản và điều kiện của hợp đồng mình ký. Tập quán phải cung cấp hợp đồng thuê tàu như nêu trên lại tỏ ra gây khó khăn cho các vụ giao dịch theo phương thức tín dụng chứng từ. Incoterms 2000 đã xoá bỏ nghĩa vụ của người bán phải cung cấp một bản sao hợp đồng thuê tàu cùng với các chứng từ vận tải khác trong điều kiện CFR và CIF.

Mặc dù điều A8 trong Incoterms nhằm đảm bảo rằng người bán phải cung cấp cho người mua "bằng chứng về việc giao hàng", cần nhấn mạnh rằng người bán hoàn thành yêu cầu này khi cung cấp được "bằng chứng thông thường". Bằng chứng thông thường này theo điều kiện CPT và CIP là "chứng từ vận tải thông thường" và theo điều kiện CFR và CIF là một vận đơn đường biển. Các chứng từ vận tải phải là chứng từ "hoàn hảo" (hay "sạch") tức là không có những nhận xét hoặc ghi chú nói về tình trạng khiếm khuyết của hàng hoá và/ hoặc của bao bì. Nếu trong chứng từ có những ghi chú hoặc nhận xét như vậy, chúng bị coi là "không hoàn hảo" (hay "không sạch") và sẽ không được ngân hàng chấp nhận trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, một chứng từ vận tải dù không có những nhận xét hoặc ghi chú như vậy vẫn không cung cấp cho người mua bằng chứng rõ ràng để ràng buộc người chuyên chở rằng hàng hoá đã được gửi phù hợp với quy định của hợp đồng. Thông thường, người chuyên chở, trong nội dung tiêu chuẩn hoặc tại trang đầu của chứng từ vận tải, từ chối trách nhiệm về các thông tin của hàng hoá bằng cách nêu ra rằng các chi tiết được điền trong chứng từ vận tải là lời khai của người gửi hàng và do vậy các thông tin đó "được thông báo là" như đã khai trong chứng từ. Trong hầu hết các luật và các nguyên tắc được áp dụng, người chuyên chở ít nhất phải sử dụng các phương tiện hợp lý để kiểm tra tính chính xác của các thông tin và nếu không làm như vậy người chuyên chở phải chịu trách nhiệm trước người nhận hàng. Tuy nhiên trong thương mại sử dụng con-te-nơ, không có các loại phương tiện để người chuyên chở kiểm tra những thứ đóng trong con-te-nơ, trừ khi chính người chuyên chở có trách nhiệm chất hàng vào con-te-nơ.

Có hai điều kiện liên quan tới bảo hiểm đó là CIF và CIP. Theo các điều kiện này, người bán có nghĩa vụ mua bảo hiểm vì lợi ích của người mua. Còn trong các trường hợp khác các bên tự quyết định về việc có mua bảo hiểm hay không và bảo hiểm tới mức độ nào. Người bán có nghĩa vụ mua bảo hiểm cho người mua hưởng, song lại không rõ yêu cầu chính xác của người mua về việc này. Căn cứ theo các Điều khoản bảo hiểm hàng hoá (Institute Cargo Clauses) do Hiệp hội những người bảo hiểm Luân đôn soạn thảo, bảo hiểm được tiến hành ở "phạm vi tối thiểu" thuộc Điều khoản C, bảo hiểm "phạm vi trung bình" thuộc Điều khoản B và bảo hiểm "phạm vi tối đa" thuộc Điều khoản A. Do việc bán hàng theo điều kiện CIF, người mua có thể bán số hàng đang trong quá trình vận chuyển đó cho một người mua khác – và người mua này lại có thể muốn bán tiếp số hàng đó đi – nên không hề biết phải mua bảo hiểm như thế nào để phù hợp với những người mua tiếp sau, do vậy việc mua bảo hiểm theo điều kiện CIF từ trước tới nay là ở phạm vi tối thiểu song người mua vẫn có quyền yêu cầu người bán

mua thêm các loại bảo hiểm khác. Việc mua bảo hiểm ở phạm vi tối thiểu không phù hợp với việc bán hàng công nghiệp chế tạo do các rủi ro về mất cắp, mất trộm chi tiết hoặc bốc dỡ không đúng hoặc yêu cầu canh giữ các mặt hàng này đòi phải được bảo hiểm ở phạm vi rộng hơn so với phạm vi quy định của điều khoản C. Do có sự khác biệt với điều kiện CIF, nên điều kiện CIP không được sử dụng trong mua bán hàng hoá (nguyên liệu) và lẽ ra nên quy định mua bảo hiểm phạm vi tối đa theo điều kiện CIP chứ không phải bảo hiểm phạm vi tối thiểu. Song nếu hai điều kiện CIF và CIP lại có sự khác nhau về trách nhiệm mua bảo hiểm của người bán thì dễ dẫn đến sự nhầm lẫn và do vậy cả hai điều kiện này đều quy định nghĩa vụ của người bán là mua bảo hiểm phạm vi tối thiểu. Nếu người mua theo điều kiện CIP thấy đặc biệt cần thiết phải quan tâm tới vấn đề này, và việc bảo hiểm thêm là cần thiết, thì người mua phải quy định với người bán rằng người bán phải mua bảo hiểm thêm hoặc tự bản thân người mua phải thu xếp mua bảo hiểm thêm. Cũng có những trường hợp đặc biệt người mua có thể muốn được bảo hiểm ở phạm vi rộng hơn phạm vi quy định trong điều khoản A, ví dụ bảo hiểm đối với trường hợp xảy ra chiến tranh, bạo động, dân biến, đình công hoặc các biến động khác trong giới lao động. Nếu người mua muốn người bán thu xếp các loại bảo hiểm đó thì phải thông báo cho người bán biết và trong trường hợp đó người bán sẽ phải mua các loại bảo hiểm đó nếu pháp luật nước sở tại quy định mua được.

**9.4 Các điều kiện "D"** khác về bản chất so với các điều kiện "C", vì theo các điều kiện "D" người bán có trách nhiệm đưa hàng tới địa điểm quy định hoặc một điểm đến nằm tại biên giới hoặc trong lãnh thổ **nước nhập khẩu**. Người bán phải chịu mọi rủi ro và chi phí về việc đưa hàng tới địa điểm quy định đó. Do vậy các điều kiện "D" **chỉ hợp đồng về nơi hàng đến**, còn các điều kiện "C" chỉ các **hợp đồng về nơi gửi hàng đi**.

Theo các điều kiện "D", trừ điều kiện DDP, người bán không hải giao hàng đã làm xong thủ tục thông quan nhập khẩu tại nước đến.

Trước đây, thông thường người bán có nghĩa vụ làm thủ tục thông quan nhập khẩu cho hàng hoá theo điều kiện DEQ, vì hàng phải được dỡ lên cầu cảng tức là đã được đưa vào nước nhập khẩu. Song do những thay đổi về thủ tục thông quan ở hầu hết các nước, nên giờ đây để bên thường trú tại nước hữu quan đảm nhận việc thông quan và nộp thuế hải quan cũng như các loại chi phí khác thì hợp lý hơn. Chính vì lý do đó, điều kiện DEQ đã được sửa đổi tương tự như sự sửa đổi trong điều kiện FAS đã nêu ở phần trên. Sự thay đổi này được thể hiện toàn bộ bằng chữ in hoa trong phần mở đầu của điều kiện DEQ.

Tại nhiều nước, người ta có sử dụng các điều kiện thương mại không có trong Incoterms đặc biệt là trong ngành đường sắt ["franco biên giới" (tiếng Anh "franco border"), "fanco frontiere", "Freight Grenze"]. Tuy vậy, các điều kiện này không có ý định thể hiện việc người bán phải chịu rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá trong quá trình vận chuyển tới biên giới. Trong các trường hợp như vừa nêu, nên sử dụng điều kiện CPT và nêu rõ địa điểm ở biên giới. Mặc khác, nếu các bên có ý định để người bán chịu rủi ro trong quá trình vận chuyển thì nên sử dụng điều kiện DAF và nêu rõ biên giới là phù hợp.

Điều kiện DDU được bổ sung vào Incoterms 1990. Điều kiện này thích hợp trong trường hợp người bán sẵn sàng giao hàng tại nước đến mà không có nghĩa vụ làm thủ tục thông quan nhập khẩu cho hàng hoá và không có nghĩa vụ nộp thuế hải quan. Tại những nước mà việc làm thủ tục nhập khẩu có thể khó khăn và mất nhiều thời gian thì người bán có thể gặp rủi ro nếu đảm nhận nghĩa vụ giao hàng tại một địa điểm mà chỉ có thể đưa hàng tới đó được sau khi đã làm xong thủ tục thông quan. Theo điều B5 và B6 của điều kiện DDU, cho dù người mua phải chịu các chi phí và rủi ro phát sinh thêm

do việc người mua không hoàn thành nghĩa vụ làm thủ tục thông quan nhập khẩu cho hàng hoá, thì người bán vẫn không nên sử dụng điều khoản DDU ở những nước mà việc làm thủ tục nhập khẩu có thể gặp khó khăn

### 10. Cụm từ "không có nghĩa vụ"

Khi dùng cụm từ "người bán phải" và "người mua phải", Incoterm chỉ liên quan tới các nghĩa vụ của các bên đối với nhau. Do vậy nhóm từ "không có nghĩa vụ" được đưa vào khi một bên không phải thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào đó đối với bên kia. Ví dụ theo điều A3 của một điều kiện nào đó mà người bán phải ký hợp đồng và trả tiền chuyên chở ta có thể thấy nhóm từ "không có nghĩa vụ" trong điều "hợp đồng vận tải" của khoản B3(a) bên phần nghĩa vụ của người mua. Nếu trường hợp không bên nào có nghĩa vụ đối với bên kia về một số vấn đề nào đó, nhóm từ "không có nghĩa vụ" sẽ xuất hiện ở cả hai bên ví dụ như về bảo hiểm hàng hoá.

Trong cả hai trường hợp, một điều kiện quan trọng cần nói rõ là một bên có thể "không có nghĩa vụ" đối với bên kia về việc thực hiện một nhiệm vụ nào đó, song điều này không có nghĩa rằng bên đó không cần thực hiện nhiệm vụ nào để phục vụ lợi ích của mình. Ví dụ, theo điều kiện CFR người mua không có nghĩa vụ đối với người bán về việc mua bảo hiểm (Điều B6) nhưng rõ ràng là vì chính lợi ích của mình người mua phải ký hợp đồng bảo hiểm, vì theo như Điều A4 người bán không có nghĩa vụ mua bảo hiểm.

### 11. Những biến dạng của Incoterms

Trong thực tiễn, thường xảy ra hiện tượng các bên thường tự ý thêm một số từ vào Incoterm để đạt được độ chính xác hơn những quy định của điều kiện đó. Cần nhấn mạnh một điều rằng Incoterms không hề có hướng dẫn nào về việc thêm từ ngữ như thế. Do vậy, nếu các bên không thể dựa vào một thông lệ thương mại đã hình thành mà giải thích các từ đưa thêm vào thì dễ gặp phải khó khăn rắc rối nghiêm trọng khi không có được sự thông hiểu và giải thích thống nhất về các từ thêm đó.

Ví dụ cách sử dụng một số cụm từ như "FOB đã xếp" (tiếng Anh "FOB stowed" hoặc "EXW đã bốc" (tiếng Anh "EXW loaded") không thể nào có được một sự thông hiểu và giải thích thống nhất toàn thế giới rằng nghĩa vụ của người bán không chỉ phải chịu chi phí cho tới khi hàng được bốc lên tàu hoặc phương tiện chuyên chở mà còn phải chịu cả rủi ro về tổn thất ngẫu nhiên và hư hại đối với hàng hoá trong quá trình bốc hàng và xếp hàng. Vì những lý do như vậy, các bên nhất thiết phải nêu rõ các điều kiện này chỉ có ý nghĩa rằng người bán chỉ có nhiệm vụ và chịu chi phí về việc bốc và xếp hàng hay còn phải chịu rủi ro cho đến khi hoàn thành việc bốc xếp hàng trên thực tế. Incoterms không đưa ra giải đáp cho các vấn đề này, do vậy nếu hợp đồng không nêu được một cách cụ thể và rõ ràng ý định của các bên thì các bên sẽ dễ gặp phải phiền phức và tổn kém về sau.

Mặc dù Incoterms 2000 không đưa ra nhiều biến dạng của Incoterms thường hay được sử dụng, phần mở đầu của tất cả các điều kiện đều nhắc nhở các bên về việc cần phải có các điều khoản hợp đồng cụ thể nếu muốn áp dụng thêm các điều khoản nằm ngoài quy định của Incoterms .

**EXW** Nghĩa vụ của người bán được thêm vào là bốc hàng lên phương tiện tiếp nhận của người mua.

**CIF/CIP** Người mua cần phải mua bảo hiểm thêm.

**DEQ** Nghĩa vụ của người bán được thêm vào là chịu các chi phí sau khi dỡ hàng.

Trong một số trường hợp, người bán và người mua dẫn chiếu tới tập quán vận tải tàu chợ và tàu chuyển. Trong các trường hợp như vậy cần phải phân biệt rõ nghĩa vụ các bên thuộc hợp đồng vận tải với nghĩa vụ của các bên thuộc hợp đồng mua bán. Rất tiếc là không có bất kỳ định nghĩa chính thức nào về các cụm từ "điều kiện tàu chợ" và "phí dịch chuyển tại bến" (tiếng Anh "terminal handling charges" – THC). Phân chia phí tổn theo các điều kiện như vậy có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau và thay đổi theo thời gian. Các bên cần phải nêu rõ về việc phân chia các phí tổn đó trong hợp đồng mua bán.

Một số cụm từ hay dùng trong hợp đồng thuê tàu chuyển như "FOB đã xếp" (tiếng Anh "FOB stowed"), "FOB san trải" (tiếng Anh "FOB stowed and trimmed") đôi khi được sử dụng trong hợp đồng mua bán để làm rõ nghĩa vụ của người bán phải xếp hàng và san trải theo điều kiện FOB. Một khi các từ này được đưa thêm vào các điều kiện của Incoterms, các bên cần phải làm rõ trong hợp đồng mua bán hàng hoá là các nghĩa vụ được đưa thêm vào chỉ liên quan tới chi phí hay liên quan cả tới chi phí và rủi ro.

Như đã đề cập ở các phần trên, Phòng Thương mại Quốc tế đã nỗ lực hết sức để Incoterms thể hiện được tập quán thương mại thông dụng nhất. Tuy vậy, trong một số trường hợp, đặc biệt là ở những chỗ mà Incoterms 2000 khác với Incoterms 1990, các bên của hợp đồng có thể muốn làm khác đi. Trong phần mở đầu của các điều kiện của Incoterms có lưu ý về việc này bằng câu mở đầu với từ "Tuy nhiên"

## **12. Tập quán của một cảng hoặc một ngành buôn bán riêng**

Vì Incoterms đưa ra một số tập hợp các điều kiện để sử dụng ở tất cả các ngành buôn bán và khu vực, nên không thể quy định một cách chính xác tất cả nghĩa vụ của các bên. Do vậy trong một chừng mực nhất định, cần phải dẫn chiếu đến tập quán của một cảng, một ngành buôn bán cụ thể hoặc phải dẫn chiếu tới các tập quán mà các bên đã tự thiết lập trong quá trình giao dịch trước đây (tham khảo điều 9, Công ước năm 1980 của Liên Hiệp Quốc về Mua bán Quốc tế Hàng hoá). Khi đàm phán hợp đồng, các bên cần phải hiểu biết đầy đủ về các tập quán đó và nếu như không chắc chắn các bên cần phải dựa vào hợp đồng mua bán các điều khoản thích hợp để làm rõ quan điểm của mình về mặt pháp lý. Các điều khoản đặc biệt như vậy trong từng hợp đồng cụ thể sẽ có giá trị hơn hoặc làm biến đổi quy tắc giải thích trong nhiều điều kiện của Incoterms

## **13. Quyền lực chọn của người mua về nơi gửi hàng**

Trong một số trường hợp, vào thời điểm ký kết hợp đồng không thể nêu một cách chính xác điểm hoặc nơi cụ thể mà tại đó người bán phải giao hàng cho người chuyên chở. Ví dụ, lúc đó chỉ có thể nêu một dãy hoặc một địa điểm tương đối rộng như cảng bến, thậm chí chỉ nêu rằng sau này người mua có quyền hoặc có nghĩa vụ chỉ định một điểm cụ thể trong dãy hoặc trong địa điểm đó. Nếu người mua có nghĩa vụ phải chỉ định địa điểm cụ thể song lại không thực hiện thì người mua sẽ phải chịu rủi ro và các chi phí phát sinh do thiếu sót của mình (điều B5/B7 trong tất cả các điều kiện). Ngoài ra, nếu người mua không sử dụng quyền chỉ định điểm giao hàng thì người bán sẽ có quyền lựa chọn địa điểm thích hợp nhất với mình.

## **14. Thông quan**

Thuật ngữ "thông quan" đã từng gây sự hiểu lầm. Do vậy, khi có sự dẫn chiếu về nghĩa vụ của người bán hoặc người mua phải đảm nhận các nghĩa vụ liên quan tới việc làm các thủ tục và nghĩa vụ để hàng hoá đi qua hải quan tại nước xuất khẩu hoặc nước nhập khẩu thì nghĩa vụ này không chỉ là việc nộp thuế quan và các lệ phí khác mà còn bao gồm cả việc làm và chịu các chi phí về các thủ tục hành chính liên quan tới việc đưa hàng hoá đi qua hải quan vào thông báo cho các cơ quan hữu quan. Ngoài ra, việc sử

dụng thuật ngữ về việc làm thủ tục cho hàng hoá đi qua hải quan ở một số khu vực như Liên minh châu Âu hay một số khu vực mậu dịch tự do xem ra không còn phù hợp, dù điều này chưa hẳn thật chính xác, vì tại đó không còn nghĩa vụ nộp thuế hải quan và không còn các hạn chế về xuất nhập khẩu. Để làm rõ vấn đề này, cụm từ "**nếu có quy định**" đã được đưa thêm vào các điều A2, B2, A6, B6 trong một số điều kiện của Incoterm **để những điều kiện này vẫn có thể được sử dụng trong trường hợp không cần làm thủ tục hải quan.**

Thông thường, việc thông quan diễn ra tại nước nào thì do bên cư trú tại nước đó hoặc người đại diện của bên đó sẽ thu xếp. Do vậy, người xuất khẩu thường làm các thủ tục thông quan về xuất khẩu và người nhập khẩu thường làm các thủ tục thông quan về nhập khẩu.

Incoterms 1990 không đề cập đến điều kiện EXW và FAS (nghĩa vụ thông quan xuất khẩu là của người mua) và DEQ (nghĩa vụ thông quan nhập khẩu là của người bán), nhưng trong Incoterms 2000 điều kiện FAS và DEQ quy định nhiệm vụ thông quan xuất khẩu là của người bán và thông quan nhập khẩu là của người mua, còn điều kiện EXW – là điều kiện trong đó người bán có nghĩa vụ tối thiểu – vẫn để giữ nguyên không thay đổi (người mua có nghĩa vụ thông quan xuất khẩu). Theo điều kiện DDP người bán chấp nhận thực hiện các nghĩa vụ trên của điều kiện đã nêu – Giao nộp thuế (tiếng Anh "**Delivered Duty Paid**") – tức là thông quan nhập khẩu cho hàng hoá và nộp các loại thuế liên quan.

### **15. Bao bì và đóng gói**

Trong hầu hết các trường hợp, các bên phải biết trước cần phải dùng loại bao bì gì và đóng gói như thế nào để đảm bảo vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi đến. Tuy nhiên, vì nghĩa vụ của người bán phải cung cấp bao bì và đóng gói hàng hoá có thể thay đổi nhiều tùy theo phương thức và thời gian vận chuyển, nên cần nêu rõ nghĩa vụ của người bán phải cung cấp bao bì và đóng gói hàng hoá theo yêu cầu của việc vận chuyển, nhưng chỉ trong chừng mực mà người bán được biết trước khi ký kết hợp đồng về các trường hợp hàng hoá được vận chuyển như thế nào (xem các điều 35.1 và 35.2.b của Công ước năm 1980 của Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Quốc tế Hàng hoá trong đó có quy định rằng hàng hoá, bao gồm cả bao bì và đóng gói phải "thích hợp với mục đích sử dụng mà người bán được thông báo một cách rõ ràng hoặc được thể hiện một cách ngụ ý khi ký kết hợp đồng, trừ trường hợp có chứng cứ nói rằng người mua không tin tưởng hoặc không có lý do để người mua tin tưởng vào kỹ năng và khả năng đánh giá của người bán")

### **16. Kiểm tra hàng hoá**

Trong nhiều trường hợp, người mua được thông báo để thu xếp kiểm tra hàng trước hoặc vào lúc người bán giao hàng cho người chuyên chở (kiểm tra trước khi gửi hàng, viết tắt theo tiếng Anh là PSI). Trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác, người mua phải chịu chi phí về việc kiểm tra này, vì nó phục vụ lợi ích của người mua. Nhưng nếu việc kiểm tra được tiến hành để người bán thực hiện được đầy đủ các quy tắc bắt buộc trong nước đối với việc xuất khẩu hàng hoá thì người bán phải chịu các chi phí về việc kiểm tra đó, trừ trường hợp sử dụng điều kiện EXW trong đó chi phí về việc kiểm tra này do người mua phải chịu.

### **18. Gợi ý về sử dụng Incoterms**

Phần mở đầu của một số điều kiện có khuyến nghị nên hoặc không nên sử dụng một điều kiện cụ thể nào đó. Điều này đặc biệt quan trọng khi cần lựa chọn giữa điều kiện FCA và FOB. Rất đáng tiếc là nhiều thương nhân vẫn tiếp tục sử dụng điều kiện FOB trong hoàn cảnh không thích hợp làm cho người bán phải gánh chịu những rủi ro

do phải chuyển giao hàng hoá cho người chuyên chở do người mua chỉ định. FOB chỉ thích hợp khi các bên có ý định giao hàng hoá "qua lan can tàu" hoặc trong mọi trường hợp giao hàng trực tiếp lên tàu chứ không phải là chuyển giao hàng lên phương tiện chuyên chở để sau đó lên tàu, ví dụ hàng được xếp vào con-te-nơ hoặc xếp lên xe tải hoặc toa hàng như được gọi là phương tiện vận tải lăn vào – lăn ra (tiếng Anh "roll on – roll off"). Do vậy một điều quan trọng được khuyến cáo trong phần mở đầu của điều kiện FOB là không nên sử dụng điều kiện này khi các bên không có ý định giao hàng qua lan can tàu.

Có trường hợp các bên sử dụng nhằm điều kiện chỉ giành cho vận tải đường biển vào phương thức vận tải khác. Điều này có thể đẩy người bán vào tình thế khó khăn là không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình về việc cung cấp cho người mua các chứng từ phù hợp (như vận đơn đường biển, giấy gửi hàng đường biển hoặc thông điệp điện tử tương đương). Sơ đồ nêu lên trong điều 17 chỉ rõ các điều kiện của Incoterms 2000 và phương thức vận tải thích hợp tương ứng. Ngoài ra, phần mở đầu của mỗi điều kiện đều nói rõ điều kiện đó thích hợp với mọi phương thức vận tải hay chỉ vận tải đường biển mà thôi.

### **19. Vận đơn và thương mại điện tử**

Từ trước tới nay, vận đơn đường biển đã giao hàng lên tàu là chứng từ duy nhất được chấp nhận mà người bán phải xuất trình theo điều kiện CFR và CIF. Vận đơn có 3 chức năng quan trọng:

- + Nó là bằng chứng của việc đã giao hàng lên tàu
- + Nó là bằng chứng của hợp đồng vận tải, và
- + Nó là một công cụ để chuyển các quyền đối với hàng hoá đang trên đường vận chuyển cho một người khác bằng cách chuyển giao chứng từ này cho người đó.

Các chứng từ vận tải khác với vận đơn cũng thực hiện 2 chức năng đầu của vận đơn, song các chứng từ đó không kiểm soát được việc giao hàng tại nơi đến hoặc cho phép người mua bán lại số hàng đang được vận chuyển bằng cách chuyển giao chứng từ cho người mua của mình. Thay vào đó, các chứng từ vận tải khác lại chỉ định rõ người được phép nhận hàng tại nơi đến. Thực tế, chỉ người nào có vận đơn mới được nhận hàng tại nơi đến từ người chuyên chở, cho nên rất khó có thể thay thế vận đơn bằng một thông điệp điện tử.

Hơn nữa, theo tập quán, vận đơn được ký phát thành nhiều bản chính. Do vậy, người mua hoặc ngân hàng thay mặt cho người mua khi trả tiền phải kiểm tra xem người bán đã nộp tất cả các bản chính chưa (gọi là bộ vận đơn đầy đủ). Đây là điều mà Quy tắc của Phòng Thương mại Quốc tế về tín dụng chứng từ đòi hỏi (Quy tắc và thực hành thống nhất của ICC về tín dụng chứng từ "UCP". Bản quy tắc đang được lưu hành vào thời điểm xuất bản Incoterms 2000 là bản UCP 500 của Phòng Thương mại Quốc tế).

Chứng từ vận tải không chỉ chứng minh rằng hàng đã được giao cho người chuyên chở mà còn chứng minh rằng hàng được giao đúng và trong tình trạng tốt và được người chuyên chở xác nhận điều này. Mọi ghi chú trên chứng từ vận tải nói lên tình trạng hàng hoá không ở trong tình trạng như vậy sẽ làm cho chứng từ mất tính "hoàn hảo" và không được chấp nhận theo UCP.

Mặc dù vận đơn có tính đặc thù về mặt pháp lý như vậy, người ta vẫn hy vọng nó sẽ được thay thế bởi các phương tiện điện tử trong một tương lai gần. Incoterms 1990 cũng đã suy xét tới vấn đề này. Theo điều A8 các chứng từ (trên giấy) có thể được thay thế bằng thông điệp điện tử với điều kiện các bên đồng ý giao dịch bằng điện tử. Các



thông điệp điện tử này có thể được truyền trực tiếp tới bên kia hoặc thông qua một bên thứ 3 là bên cung ứng dịch vụ và thu phí dịch vụ. Một trong số dịch vụ được bên thứ 3 cung cấp này là đăng ký những người kế tiếp nắm giữ vận đơn. Hệ thống cung cấp các dịch vụ đó, còn gọi là dịch vụ BOLERO, có lẽ cần được sự hỗ trợ của các quy định và nguyên tắc pháp lý như được thể hiện trong Quy tắc về vận đơn điện tử CMI 1990 và điều 16-17 của Luật mẫu về Thương mại điện tử UNCITRAL năm 1996.

## **20. Thay thế vận đơn bằng các chứng từ vận tải không thể giao dịch được.**

Những năm gần đây, các tập quán về chứng từ đã được đơn giản hoá đi nhiều. Vận đơn thường được thay thế bằng các chứng từ không thể giao dịch được tương tự như các chứng từ có trong các phương thức vận tải không phải bằng đường biển. Các chứng từ này được gọi là "giấy gửi hàng bằng đường biển" (tiếng Anh "seaway bill"), "giấy gửi hàng tàu chợ" (tiếng Anh "liner waybills"), "biên lai nhận hàng gửi" (tiếng Anh "freight receipts") hoặc những biến dạng của các tên đó. Những chứng từ không thể giao dịch đó có thể sử dụng một cách thuận lợi trừ trường hợp người mua muốn bán lại hàng trong khi hàng đang trên đường vận chuyển bằng cách chuyển giao chứng từ cho người mua mới. Muốn làm được việc đó, người bán vẫn phải cung cấp một vận đơn đường biển theo các điều kiện CFR và CIF như đã quy định trước đây. Nhưng nếu các bên ký kết biết rằng người mua không có ý định bán lại hàng trên đường vận chuyển, họ có thể đồng ý không bắt buộc người bán phải cung cấp vận đơn đường biển, hoặc họ có thể sử dụng các điều kiện CPT và CIP vì các điều kiện này không đòi hỏi người bán phải cung cấp một vận đơn.

## **21. Quyền chỉ thị cho người chuyên chở**

Một người mua khi trả tiền mua hàng theo một điều kiện "C" phải được đảm bảo rằng người bán, khi đã được trả tiền giao hàng, không được bán số hàng hoá đó đi bằng cách đưa ra chỉ thị mới cho người chuyên chở. Một số chứng từ vận tải dùng cho các phương thức vận tải cụ thể (đường không, đường bộ hoặc đường sắt) tạo điều kiện cho các bên có thể ngăn chặn để người bán không thể đưa ra những chỉ thị mới cho người chuyên chở bằng cách phải cung cấp một bản gốc đặc biệt hoặc bản sao của giấy gửi hàng. Thế nhưng, những chứng từ được sử dụng thay thế vận đơn đường biển thông thường không có chức năng ngăn chặn như vậy. Hội đồng Hàng hải Quốc tế đã khắc phục thiếu sót này của các chứng từ vận tải thay thế trên bằng cách phát hành cuốn Quy tắc thống nhất về giấy gửi hàng đường biển năm 1990 cho phép các bên điền thêm điều khoản "không thể sử dụng" (tiếng Anh "No disposal") khi người bán từ bỏ quyền định đoạt về hàng hoá bằng việc đưa ra chỉ thị mới cho người chuyên chở để giao hàng cho người khác hoặc tới địa điểm khác so với quy định của giấy gửi hàng.

## **22. Trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế**

Các bên ký kết hợp đồng nếu muốn sử dụng trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế trong trường hợp xảy ra tranh chấp thì phải thống nhất một cách cụ thể và rõ ràng về việc sử dụng trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế trong hợp đồng hoặc nếu không có văn bản hợp đồng thì phải nêu trong các thư tín được trao đổi giữa các bên tạo thành thoả thuận giữa họ. Việc dẫn chiếu một hoặc nhiều điều kiện Incoterms vào hợp đồng hoặc các thư tín liên quan không phải là thoả thuận về việc sử dụng trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế.

Phòng Thương mại Quốc tế khuyên các bên nên sử dụng điều khoản trọng tài tiêu chuẩn sau đây: **Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan tới hợp đồng này sẽ được giải quyết theo Quy tắc về Trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế bởi một hoặc nhiều trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc đó**

# PHƯƠNG THỨC VẬN TẢI VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN TƯƠNG ỨNG CỦA INCOTERMS 2000

Thích hợp cho mọi Phương thức vận tải

## Nhóm E

**EXW** Giao tại xưởng (... địa điểm quy định)

## Nhóm F

**FCA** Giao cho người chuyên chở (... địa điểm quy định)

## Nhóm C

**CPT** Cước phí trả tới (... nơi đến quy định)

**CIP** Cước phí và bảo hiểm trả tới (... nơi đến quy định)

## Nhóm D

**DAF** Giao tại biên giới (... địa điểm quy định)

**DDU** Giao chưa nộp thuế (... nơi đến quy định)

**DDP** Giao đã nộp thuế (... nơi đến quy định)

Chỉ thích hợp cho vận chuyển đường biển và đường thủy nội địa

## Nhóm F

**FAS** Giao dọc mạn tàu (... cảng bốc hàng quy định)

**FOB** Giao lên tàu (... cảng bốc hàng quy định)

## Nhóm C

**CFR** Tiền hàng và cước (... cảng đến quy định)

**CIF** Tiền hàng, bảo hiểm và cước (... cảng đến quy định)

## Nhóm D

**DES** Giao tại tàu (... cảng đến quy định)

**DEQ** Giao tại cầu cảng (... cảng đến quy định)

## EXW

### GIAO TẠI XƯỞNG

(... địa điểm quy định)

Điều kiện EXW (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Ex Works" dịch ra tiếng Việt là "Giao tại xưởng" có nghĩa là người bán giao hàng khi đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua tại cơ sở của người bán hoặc tại một địa điểm quy định (ví dụ xưởng, nhà máy, kho tàng, v.v...), hàng hoá chưa được làm thủ tục thông quan xuất khẩu và chưa được bốc lên phương tiện tiếp nhận.

Điều kiện này, thể hiện nghĩa vụ của người bán ở phạm vi tối thiểu, và người mua phải chịu mọi phí tổn và rủi ro từ khi nhận hàng tại cơ sở của người bán.

Tuy nhiên nếu các bên muốn người bán chịu trách nhiệm bốc hàng lên phương tiện chuyên chở tại điểm đi và chịu rủi ro và các phí tổn về việc bốc hàng đó, thì điều

này phải được quy định rõ ràng bằng cách bổ sung thêm từ ngữ cụ thể trong hợp đồng mua bán. Không nên sử dụng điều kiện này khi người mua không thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm các thủ tục xuất khẩu. Trong trường hợp như vậy, nên sử dụng điều kiện FCA, với điều kiện người bán đồng ý sẽ bốc hàng và chịu chi phí và rủi ro về việc bốc hàng đó.

## **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

### **A1 Cung cấp hàng theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại, hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu chi phí và rủi ro, giúp đỡ người mua lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác, nếu có quy định, bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá

### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a)Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ.

b)Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

### **A4 Giao hàng**

Người bán phải đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua tại địa điểm giao hàng qui định, chưa bốc lên phương tiện tiếp nhận, vào ngày hoặc trong thời hạn quy định hoặc nếu như không có quy định về thời gian như vậy, vào thời điểm thông thường cho việc giao số hàng đó. Nếu không có quy định về điểm giao hàng cụ thể, và nếu tại địa điểm quy định có một số điểm có thể giao hàng, thì người bán có thể chọn điểm giao hàng phù hợp nhất cho mình.

### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4.

### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá được giao như quy định ở điều A4.

### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua về thời gian và địa điểm mà hàng hoá sẽ được đặt dưới quyền định đoạt của người mua.

### **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Không có nghĩa vụ.

### **A9 Kiểm tra - bao bì đóng gói - ký mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua.

Người bán hàng phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể là để hàng hoá không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá, trong phạm vi các tình huống liên quan tới

việc vận chuyển (ví dụ phương thức, nơi đến) đã được người bán biết trước khi ký kết hợp đồng mua bán hàng. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua lấy các chứng từ hoặc các thông điệp điện tử tương đương được ký phát hoặc truyền đi ở nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu hàng hoá và, nếu cần thiết, quá cảnh sang nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

## **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy được giấy phép xuất khẩu và nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có qui định, mọi thủ tục hải quan đối với việc xuất khẩu hàng hoá.

### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm.**

a)Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ.

b)Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải nhận hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 và A7/B7.

### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá

- Từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và
- Từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc nhận hàng, trường hợp này xảy ra khi người mua không thông báo như quy định của điều B7, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng hoá của hợp đồng.

### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải trả

- Mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4, và
- Mọi chi phí phát sinh thêm do việc người mua không nhận hàng khi hàng hoá đã được đặt dưới quyền định đoạt của người mua, hoặc do không thông báo thích hợp như quy định ở điều B7, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.
- Nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi xuất khẩu.

Người mua phải hoàn trả cho người bán mọi chi phí và lệ phí mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A2.

#### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định thời điểm trong thời hạn quy định và/hoặc địa điểm nhận hàng, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

#### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải cung cấp cho người bán bằng chứng thích hợp về việc đã chấp nhận việc giao hàng.

#### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho việc giám định trước khi gửi hàng kể cả việc kiểm tra được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

#### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

## **FCA GIAO CHO NGƯỜI CHUYÊN CHỞ**

(... địa điểm quy định)

Điều kiện FCA (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh: "Free Carrier" dịch ra tiếng Việt là "giao cho người chuyên chở") có nghĩa là người bán, sau khi làm xong các thủ tục thông quan xuất khẩu, giao hàng cho người chuyên chở do người mua chỉ định, tại địa điểm quy định. Cần lưu ý rằng địa điểm được chọn để giao hàng có ảnh hưởng tới nghĩa vụ bốc và dỡ hàng ở địa điểm đó. Nếu việc giao hàng diễn ra tại cơ sở của người bán, người bán có nghĩa vụ bốc hàng. Nếu việc giao hàng diễn ra tại địa điểm không phải là cơ sở của người bán, người bán không có trách nhiệm dỡ hàng.

Điều kiện này có thể được sử dụng cho mọi phương thức vận tải kể cả vận tải đa phương thức.

"Người chuyên chở" là bất kỳ người nào, mà theo một hợp đồng vận tải, cam kết tự mình thực hiện hoặc đứng ra đảm trách việc chuyên chở bằng đường sắt, đường bộ, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa hoặc kết hợp các phương thức vận tải đó.

Nếu người mua chỉ định một người nào đó, không phải là người chuyên chở, tiến hành nhận hàng thì người bán được coi như đã làm xong nghĩa vụ giao hàng khi hàng đã được giao cho người được chỉ định đó.

### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

#### **1 Cung cấp hàng theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại, hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

#### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá.

### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a)Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ. Tuy nhiên, nếu người mua có yêu cầu hoặc nếu đó là tập quán thương mại và người mua không có chỉ thị ngược lại trong thời hạn hợp lý, thì người bán có thể ký hợp đồng vận tải theo điều kiện thông thường với chi phí và rủi ro do người mua chịu. Dù trong trường hợp nào thì người bán vẫn có thể từ chối việc ký hợp đồng vận tải, và nếu từ chối, người bán phải thông báo kịp thời cho người mua biết

b)Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng cho người chuyên chở hoặc một người khác do người mua chỉ định hoặc được người bán lựa chọn như quy định ở khoản A3 a), tại địa điểm quy định vào ngày hoặc trong thời hạn quy định cho việc giao hàng.

Việc giao hàng hoàn thành:

a)Nếu như địa điểm giao hàng là cơ sở của người bán, thì việc giao hàng hoàn thành khi hàng đã được bốc lên phương tiện vận tải do người chuyên chở được người mua chỉ định hoặc một người khác thay mặt người mua đưa tới.

b)Nếu địa điểm quy định là các địa điểm khác với khoản a) trên thì việc giao hàng hoàn thành khi hàng được đặt dưới quyền định đoạt của người chuyên chở hoặc một người khác do người mua chỉ định hoặc một người chuyên chở do người bán lựa chọn như quy định ở khoản A3 a) khi hàng hoá vẫn chưa được dỡ khỏi phương tiện chuyên chở của người bán.

Nếu không có quy định về điểm giao hàng cụ thể và nếu tại địa điểm quy định có một số điểm có thể giao hàng, thì người bán có thể chọn điểm giao hàng phù hợp nhất cho mình.

Nếu người mua không có chỉ dẫn chính xác, thì người bán có thể giao hàng cho người chuyên chở theo cách mà phương thức vận tải và/hoặc tính chất của hàng hoá đòi hỏi.

### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải theo quy định ở điều B6, trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4; và
- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan cũng như thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu

### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4. Nếu người vận tải không nhận hàng theo như quy định ở điều A4 vào thời điểm quy định người bán phải thông báo điều này cho người mua.

## **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua bằng chứng thông thường về việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Trừ khi bằng chứng nêu trên là chứng từ vận tải, người bán phải theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy một chứng từ về hợp đồng vận tải (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa, giấy gửi hàng đường không, một giấy gửi hàng đường sắt, một giấy gửi hàng đường bộ hoặc một chứng từ vận chuyển đa phương thức).

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử EDI) tương đương.

### **A9 Kiểm tra – bao bì đóng gói – kỹ mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được gửi đi không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá trong phạm vi các tình huống liên quan tới việc vận chuyển (ví dụ phương thức, nơi đến) đã được người bán biết trước khi ký kết hợp đồng mua bán hàng. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

## **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán

### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan đối với việc nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác.

### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a) Hợp đồng vận tải

Người mua phải ký hợp đồng vận tải và chịu chi phí vận chuyển hàng hoá từ địa điểm quy định, trừ trường hợp người bán ký hợp đồng vận tải như quy định ở khoản A3

b) Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải nhận hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá.

- từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và
- từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc nhận hàng; trường hợp này xảy ra khi người mua không chỉ định người chuyên chở hoặc một người khác nhận hàng theo quy định ở điều A4, hoặc do người chuyên chở hay người được người mua chỉ định không thực hiện trách nhiệm nhận hàng vào thời điểm quy định, hoặc do người mua không thông báo một cách thích hợp như quy định ở điều B7, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và
- mọi chi phí phát sinh thêm do việc người mua không chỉ định người chuyên chở hoặc một người khác nhận hàng theo quy định ở điều A4, hoặc do người chuyên chở hay người được người mua chỉ định không thực hiện trách nhiệm nhận hàng vào thời điểm quy định, hoặc do người mua không thông báo một cách thích hợp như quy định ở điều B7, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.
- Nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác

### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải thông báo đầy đủ cho người bán về tên của bên được chỉ định nêu trong điều A4 và, nếu cần thiết, về phương thức vận tải, cũng như ngày hoặc thời hạn giao hàng cho người được chỉ định đó, và tùy trường hợp, điểm cụ thể tại địa điểm quy định mà người bán phải giao hàng cho bên được chỉ định đó.

### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận các bằng chứng về việc giao hàng như quy định ở điều A8

### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

Người mua phải có sự chỉ dẫn thích hợp cho người bán trong trường hợp cần người bán giúp đỡ ký hợp đồng vận tải như quy định ở khoản A3 a



# FOB

## GIAO LÊN TÀU

(... cảng bốc hàng quy định)

Điều kiện FOB (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Free On Board" dịch ra tiếng Việt là "Giao lên tàu") có nghĩa là người bán giao hàng khi hàng hoá đã qua lan can tàu tại cảng bốc hàng quy định. Điều này có nghĩa rằng người mua phải chịu tất cả chi phí và rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ sau điểm ranh giới đó. Điều kiện FOB đòi hỏi người bán làm thủ tục thông quan xuất khẩu cho hàng hoá. Điều kiện này chỉ sử dụng cho vận tải đường biển hay đường thủy nội địa. Nếu các bên không có ý định giao hàng qua lan can tàu, thì nên sử dụng điều kiện FCA.

### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

#### **A1 Cung cấp hàng theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

#### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá.

#### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a) Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ

b) Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ

#### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng lên chiếc tàu mà người mua chỉ định tại cảng bốc hàng quy định, theo tập quán thông thường của cảng, vào ngày hoặc trong thời hạn quy định.

#### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá qua lan can tàu tại cảng bốc hàng quy định.

#### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến khi hàng hoá qua lan can tàu tại cảng bốc hàng quy định; và

- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu cũng như thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu.

#### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

**A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua bằng chứng thông thường về việc giao hàng như quy định ở điều A4

Trừ khi bằng chứng nêu trên là chứng từ vận tải, người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy một chứng từ về hợp đồng vận tải (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa hoặc một chứng từ vận tải đa phương thức).

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử tương đương (EDI).

#### **A9 Kiểm tra – bao bì đóng gói – ký mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được gửi đi không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá trong phạm vi các tình huống liên quan tới việc vận chuyển (ví dụ phương thức, nơi đến) đã được người bán biết trước khi ký kết hợp đồng mua bán hàng. Bì đóng gói hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

#### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

### **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

#### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

#### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác.

#### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

##### **a) Hợp đồng vận tải**

Người mua phải ký hợp đồng vận tải và chịu chi phí vận chuyển hàng hoá từ cảng bốc hàng quy định.

##### **b) Hợp đồng bảo hiểm**

Không có nghĩa vụ

#### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải nhận hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

#### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá.

- từ thời điểm hàng qua lan can tàu tại cảng bốc hàng quy định; và

- từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc nhận hàng; trường hợp này xảy ra khi người mua không thông báo như quy định ở điều B7, hoặc do tàu của người mua chỉ định không đến đúng thời hạn hoặc không thể nhận hàng hoặc đình chỉ xếp hàng trước thời hạn được thông báo theo như quy định ở điều B7, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng qua lan can tàu tại cảng bốc hàng quy định; và

- mọi chi phí phát sinh thêm do tàu của người mua chỉ định không đến đúng thời hạn hoặc không thể nhận hàng hoặc đình chỉ xếp hàng trước thời hạn được thông báo theo như quy định ở điều B7, hoặc người mua không thông báo như quy định ở điều B7, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và

- nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác

### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải thông báo đầy đủ cho người bán về tên tàu, điểm bốc hàng và thời gian giao hàng mà người mua yêu cầu.

### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận các bằng chứng về việc giao hàng như quy định ở điều A8

### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

## **CFR**

### **TIỀN HÀNG VÀ CƯỚC**

(... cảng đến quy định)

Điều kiện CFR (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Cost and Freight" dịch ra tiếng Việt là "Tiền hàng và cước") có nghĩa là người bán giao hàng khi hàng hoá đã qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

Người bán phải trả các phí tổn và cước vận tải cần thiết để đưa hàng tới cảng đến quy định NHƯNG rủi ro về mất mát và hư hại đối với hàng hoá cũng như mọi chi phí phát sinh thêm do các tình huống xảy ra sau thời điểm giao hàng được chuyển từ người bán sang người mua khi hàng qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

Điều kiện CFR đòi hỏi người bán phải thông quan xuất khẩu cho hàng hoá .

Điều kiện này chỉ sử dụng cho vận tải đường biển và đường thủy nội địa. Nếu các bên không có ý định giao hàng qua lan can tàu thì nên sử dụng điều kiện CPT.

## **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

### **A1 Cung cấp hàng theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định , mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá .

### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

#### **a)Hợp đồng vận tải**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải với điều kiện thông thường để chuyên chở hàng hoá tới cảng đến quy định theo tuyến đường thông thường bằng một chiếc tàu đi biển ( hoặc bằng tàu chạy đường thủy nội địa, tùy trường hợp) loại thường dùng để chuyên chở hàng hoá của hợp đồng .

#### **b)Hợp đồng bảo hiểm**

Không có nghĩa vụ

### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng lên tàu tại cảng gửi hàng vào ngày hoặc trong thời hạn quy định.

### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4; và
- cước phí và các chi phí khác phát sinh theo quy định ở khoản A3 a), kể cả chi phí bốc hàng lên tàu và các chi phí dỡ hàng tại cảng đến quy định mà người bán phải trả theo hợp đồng vận tải; và
- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác, nếu những chi phí này là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải.

### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4, cũng như mọi thông tin khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng

**A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua chứng từ vận tải thông dụng cho cảng đến quy định

Chứng từ này (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa) phải bao hàm hàng hoá của hợp đồng, có ghi ngày trong thời hạn quy định cho việc gửi hàng, để giúp người mua nhận được hàng hoá từ người vận tải ở cảng đến và, trừ khi có thoả thuận khác, để người mua có thể bán được hàng hoá đang trong quá trình vận chuyển bằng cách chuyển giao chứng từ vận tải cho một người mua tiếp theo (vận đơn có thể chuyển nhượng được) hoặc bằng cách thông báo cho người chuyên chở.

Khi một chứng từ vận tải như vậy được ký phát với nhiều bản gốc, người bán phải xuất trình một bộ bản gốc đầy đủ cho người mua.

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

#### **A9 Kiểm tra – bao bì đóng gói – ký mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được gửi đi không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá do mình thu xếp. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

#### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

### **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

#### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

#### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác.

#### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a) Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ

b) Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ

#### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải chấp nhận việc giao hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 và nhận hàng từ người chuyên chở tại cảng đến quy định.

#### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

Người mua phải, nếu người mua không thông báo theo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc gửi hàng; tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

#### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải, theo quy định ở khoản A3 a), trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và
- mọi chi phí và lệ phí liên quan tới hàng hoá trong quá trình chuyên chở cho đến khi hàng tới cảng đến, trừ khi các chi phí và lệ phí đó là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải.
- các chi phí phát sinh thêm do việc người mua không thông báo cho người bán như quy định ở điều B7, về hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày hết hạn thời hạn quy định cho việc gửi hàng, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và
- Nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và nếu cần, quá cảnh qua nước khác trừ khi đã được tính vào cước phí của hợp đồng vận tải.

#### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời gian gửi hàng và/hoặc cảng đến, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

#### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận các bằng chứng về việc giao hàng như quy định ở điều A8 nếu chứng từ đó phù hợp với hợp đồng.

#### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

#### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

# CIF

## TIỀN HÀNG, BẢO HIỂM VÀ CƯỚC

(... cảng đến quy định)

Điều kiện CIF (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Cost, Insurance and Freight" dịch ra tiếng Việt là "Tiền hàng, bảo hiểm và cước") được hiểu là người bán giao hàng khi hàng hoá đã qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

Người bán phải trả các phí tổn và cước vận tải cần thiết để đưa hàng tới cảng đến quy định NHƯNG rủi ro về mất mát và hư hại đối với hàng hoá cũng như mọi chi phí phát sinh thêm do các tình huống xảy ra sau thời điểm giao hàng được chuyển từ người bán sang người mua. Tuy nhiên theo điều kiện CIF người bán còn phải mua bảo hiểm hàng hải để bảo vệ cho người mua trước những rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá trong quá trình chuyên chở.

Do vậy, người bán sẽ ký hợp đồng bảo hiểm và trả phí bảo hiểm. Người mua cần lưu ý rằng theo điều kiện CIF người bán chỉ phải mua bảo hiểm với phạm vi tối thiểu, người mua cần thoả thuận với người bán hoặc tự mình mua bảo hiểm thêm.

Điều kiện CIF đòi hỏi người bán phải thông quan xuất khẩu cho hàng hoá .

Điều kiện này chỉ sử dụng cho vận tải đường biển và đường thuỷ nội địa. Nếu các bên không có ý định giao hàng qua lan can tàu thì nên sử dụng điều kiện CIP.

### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

#### **A1 Cung cấp hàng theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

#### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá .

#### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

##### a) Hợp đồng vận tải

Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải với điều kiện thông thường để chuyên chở hàng hoá tới cảng đến quy định theo tuyến đường thông thường bằng một chiếc tàu đi biển ( hoặc bằng tàu chạy đường thuỷ nội địa, tùy trường hợp) loại thường dùng để chuyên chở hàng hoá của hợp đồng .

##### b) Hợp đồng bảo hiểm

Người bán phải tự chịu chi phí mua loại bảo hiểm hàng hoá như thoả thuận trong hợp đồng để người mua, hoặc bất kỳ người nào khác có lợi ích từ hàng hoá được bảo hiểm, có quyền kiện đòi bồi thường trực tiếp từ người bảo hiểm, và cung cấp cho người mua hợp đồng bảo hiểm hoặc bằng chứng khác về việc mua bảo hiểm.

Bảo hiểm phải được mua ở người bảo hiểm hoặc một công ty bảo hiểm có uy tín và, trừ khi có quy định khác, với mức bảo hiểm tối thiểu theo Các điều khoản bảo hiểm hàng hoá của Hiệp hội những người bảo hiểm Luân đôn hoặc bất kỳ nhóm điều khoản nào tương tự. Thời hạn bảo hiểm phải phù hợp với điều B5 và B4. Khi được người mua yêu cầu, người bán phải, với chi phí do người mua chịu, mua bảo hiểm đối với rủi ro về chiến tranh, đình công, bạo động và dân biến, nếu có thể mua được. Mức bảo hiểm tối

thiếu phải bao gồm tiền hàng quy định rong hợp đồng cộng với 10% (nghĩa là 110%) và phải được mua bằng đồng tiền dùng trong hợp đồng mua bán.

#### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng lên tàu tại cảng gửi hàng vào ngày hoặc trong thời hạn quy định.

#### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

#### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4; và
- cước phí và các chi phí khác phát sinh theo quy định ở khoản A3 a) bao gồm chi phí bốc hàng lên tàu; và
- chi phí về bảo hiểm phát sinh từ khoản A3 b); và
- bất kỳ khoản lệ phí nào để dỡ hàng ở cảng dỡ hàng quy định mà người bán phải trả theo hợp đồng vận tải; và
- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác, nếu những chi phí này là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải.

#### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4, cũng như mọi thông tin khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng

#### **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua chứng từ vận tải thông dụng cho cảng đến quy định

Chứng từ này (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa) phải bao hàm hàng hoá của hợp đồng, có ghi ngày trong thời hạn quy định cho việc gửi hàng, để giúp người mua nhận được hàng hoá từ người chuyên chở ở cảng đến và, trừ khi có thoả thuận khác, để người mua có thể bán được hàng hoá đang trong quá trình vận chuyển bằng cách chuyển giao chứng từ vận tải cho một người mua tiếp theo (vận đơn có thể chuyển nhượng được) hoặc ằng cách thông báo cho người chuyên chở.

Khi một chứng từ vận tải như vậy được ký phát với nhiều bản gốc, người bán phải xuất trình một bộ bản gốc đầy đủ cho người mua.

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

#### **A9 Kiểm tra – bao bì – mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.



Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được gửi đi không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá do mình thu xếp. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

#### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

### **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

#### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

#### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác.

#### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a) Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ

b) Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ

#### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải chấp nhận việc giao hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 và nhận hàng từ người chuyên chở tại cảng đến quy định.

#### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng qua lan can tàu tại cảng gửi hàng.

Người mua phải, nếu người mua không thông báo theo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc gửi hàng; tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

#### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải, theo quy định ở khoản A3 a), trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và

- mọi chi phí và lệ phí liên quan tới hàng hoá trong quá trình chuyên chở cho đến khi hàng tới cảng đến, trừ khi các chi phí và lệ phí đó là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải; và

- các chi phí phát sinh thêm do việc người mua không thông báo cho người bán như quy định ở điều B7, về hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày hết hạn thời hạn quy định cho việc gửi hàng, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá

rõ ràng là thuộc hợp đồng , tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và

- nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và nếu cần, quá cảnh qua nước khác trừ khi đã được tính vào cước phí của hợp đồng vận tải.

#### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời gian gửi hàng và/hoặc cảng đến, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

#### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận các bằng chứng về việc giao hàng như quy định ở điều A8 nếu chứng từ đó phù hợp với hợp đồng.

#### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

#### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

Người mua phải cung cấp cho người bán khi được yêu cầu các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm.

## **CPT CƯỚC PHÍ TRẢ TỚI**

(... nơi đến quy định)

Điều kiện CPT (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Carriage Paid To" dịch ra tiếng Việt là "Cước phí trả tới") được hiểu là người bán giao hàng cho người chuyên chở do chính người bán chỉ định nhưng ngoài ra người bán phải trả chi phí vận tải cần thiết để đưa hàng hoá tới nơi đến quy định . Điều này có nghĩa là người mua phải tự chịu mọi rủi ro và các phí tổn phát sinh sau khi hàng đã được giao như trên

Người chuyên chở là bất kỳ người nào, mà theo một hợp đồng vận tải, cam kết tự mình thực hiện hoặc đứng ra đảm trách việc chuyên chở bằng đường sắt, đường bộ, hàng không, đường biển, đường thuỷ nội địa hoặc kết hợp các phương thức vận tải đó.

Nếu có những người chuyên chở kế tiếp được sử dụng để vận chuyển hàng hoá tới nơi đến quy định, thì rủi ro chuyển giao khi hàng hoá đã được giao cho người chuyên chở đầu tiên.

Điều kiện CPT bắt buộc người bán phải thông quan xuất khẩu cho hàng hoá.

Điều kiện này có thể được sử dụng cho mọi phương thức vận tải, kể cả vận tải đa phương thức.

### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

#### **A1 Cung cấp hàng theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

#### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá .

#### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

##### **a) Hợp đồng vận tải**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải với điều kiện thông thường đến điểm thoả thuận ở nơi đến quy định theo một tuyến đường thông thường và cách thức thông thường. Nếu không thoả thuận được hoặc không thể xác định được điểm đến trên thực tế thì người bán có thể chọn một điểm ở nơi đến quy định phù hợp nhất cho mình.

##### **b) Hợp đồng bảo hiểm**

Không có nghĩa vụ

#### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng cho người chuyên chở được ký hợp đồng như quy định ở điều A3 hoặc, nếu có những người chuyên chở tiếp sau người chuyên chở đầu tiên, để vận chuyển hàng hoá với điểm thoả thuận ở nơi đến quy định vào ngày hoặc trong thời hạn quy định

#### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

#### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 cũng như cước phí và mọi chi phí khác phát sinh theo quy định ở khoản A3 a), bao gồm chi phí bốc hàng lên tàu và bất kỳ chi phí nào để dỡ hàng ở nơi đến mà người bán phải trả theo hợp đồng vận tải; và

- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác, nếu những chi phí này là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải.

#### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4, cũng như mọi thông tin khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng

#### **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua chứng từ vận tải thông thường nếu theo tập quán là như vậy, chứng từ hoặc một chứng từ (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng được, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa, một phiếu gửi hàng đường sắt, một

phiếu gửi hàng đường bộ, hoặc một chứng từ vận tải đa phương thức) về việc chuyên chở được ký hợp đồng theo như quy định ở điều A3

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

#### **A9 Kiểm tra – bao bì – mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được gửi đi không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá do mình thu xếp. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

#### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

### **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

#### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

#### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác.

#### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a)Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ

b)Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ

#### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải chấp nhận việc giao hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 và nhận hàng từ người chuyên chở ở nơi đến quy định.

#### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng hoá được giao như quy định ở điều A4.

Người mua phải, nếu người mua không thông báo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc giao hàng với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, nghĩa là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

#### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải, theo quy định ở khoản A3 a), trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và
- mọi chi phí và lệ phí liên quan tới hàng hoá trong quá trình vận chuyển cho tới nơi đến quy định, trừ khi các chi phí và lệ phí đó là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải; và
- các chi phí phát sinh thêm do việc người mua không thông báo cho người bán như quy định ở điều B7, về hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày hết hạn thời hạn quy định cho việc gửi hàng, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và
- nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và nếu cần, quá cảnh qua nước khác trừ khi đã được tính vào cước phí của hợp đồng vận tải.

#### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời gian gửi hàng và/hoặc cảng đến, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

#### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận các bằng chứng về việc giao hàng như quy định ở điều A8 nếu chứng từ đó phù hợp với hợp đồng.

#### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

#### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

## **CIP**

### **CƯỚC PHÍ BẢO HIỂM VÀ TRẢ TỚI**

(... nơi đến quy định)

Điều kiện CIP (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Carriage and Insurance Paid To" dịch ra tiếng Việt là "Cước phí và bảo hiểm trả tới") có nghĩa là người bán giao hàng hoá cho người chuyên chở do họ chỉ định, nhưng ngoài ra người bán phải trả chi phí vận tải cần thiết để đưa hàng hoá tới nơi đến quy định. Điều này có nghĩa là người mua chịu mọi rủi ro và các phí tổn phát sinh thêm sau khi hàng hoá đã được giao như trên. Tuy nhiên, theo điều kiện CIP người bán còn phải mua bảo hiểm để bảo vệ cho người mua trước những rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá trong quá trình chuyên chở.

Do vậy, người bán sẽ ký hợp đồng bảo hiểm và trả phí bảo hiểm.

Người mua cần lưu ý rằng theo điều kiện CIP người bán chỉ phải mua bảo hiểm với phạm vi tối thiểu. Nếu người mua muốn được bảo hiểm với phạm vi lớn hơn, người mua cần thoả thuận rõ ràng với người bán hoặc tự mình mua bảo hiểm thêm.

"Người chuyên chở" là bất kỳ người nào, mà theo một hợp đồng vận tải, cam kết tự mình thực hiện hoặc đảm trách việc chuyên chở bằng đường sắt, đường bộ, hàng không, đường biển, đường thuỷ nội địa hoặc kết hợp các phương thức vận tải đó.

Nếu có những người chuyên chở kế tiếp được sử dụng để vận chuyển hàng hoá tới nơi đến thoả thuận, thì rủi ro chuyển giao khi hàng hoá đã được giao cho người chuyên chở đầu tiên.

Điều kiện CIF đòi hỏi người bán phải thông quan xuất khẩu cho hàng hoá .

Điều kiện này chỉ sử dụng cho mọi phương thức vận tải, kể cả vận tải đa phương thức.

## **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

### **A1 Cung cấp hàng hoá theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá .

### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

#### **a) Hợp đồng vận tải**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải với điều kiện thông thường để chuyên chở hàng hoá đến điểm thoả thuận ở nơi đến quy định theo một tuyến đường thông thường và cách thức thông thường. Nếu không thoả thuận được hoặc không thể xác định được điểm đến trên thực tế thì người bán có thể chọn một điểm ở nơi đến quy định phù hợp nhất cho mình.

#### **b) Hợp đồng bảo hiểm**

Người bán phải tự chịu chi phí mua loại bảo hiểm hàng hoá như thoả thuận trong hợp đồng để người mua, hoặc bất kỳ người nào khác có lợi ích từ hàng hoá được bảo hiểm, có quyền kiện đòi bồi thường trực tiếp từ người bảo hiểm, và cung cấp cho người mua hợp đồng bảo hiểm hoặc bằng chứng khác về việc mua bảo hiểm.

Bảo hiểm phải được mua ở người bảo hiểm hoặc một công ty bảo hiểm có uy tín và, trừ khi có quy định khác, với mức bảo hiểm tối thiểu theo Các điều khoản bảo hiểm hàng hoá của Hiệp hội những người bảo hiểm Luân đôn hoặc bất kỳ nhóm điều khoản nào tương tự. Thời hạn bảo hiểm phải phù hợp với điều B5 và B4. Khi được người mua yêu cầu, người bán phải, với chi phí do người mua chịu, mua bảo hiểm đối với rủi ro về chiến tranh, đình công, bạo động và dân biến, nếu có thể mua được. Mức bảo hiểm tối thiểu phải bao gồm tiền hàng quy định trong hợp đồng cộng với 10% (nghĩa là 110%) và phải được mua bằng đồng tiền dùng trong hợp đồng mua bán.

### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng cho người chuyên chở được ký hợp đồng như quy định ở điều A3, nếu có những người chuyên chở tiếp sau người chuyên chở đầu tiên, để vận chuyển hàng hoá tới điểm thoả thuận ở nơi đến quy định vào ngày hoặc trong thời hạn quy định.

## **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

## **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả:

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 cũng như cước phí và các chi phí khác phát sinh theo quy định ở khoản A3(a) bao gồm chi phí bốc hàng lên tàu và chi phí dỡ hàng ở nơi đến mà người bán phải trả theo hợp đồng vận tải; và
- chi phí về bảo hiểm từ khoản A3(b); và
- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác, nếu những chi phí này là do người bán phải trả theo hợp đồng vận tải.

## **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4, cũng như mọi thông tin khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng.

## **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua chứng từ vận tải thông thường (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng, một phiếu gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng được, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa, một phiếu gửi hàng đường không, một phiếu gửi hàng đường sắt, một phiếu gửi hàng đường bộ, hoặc một chứng từ vận tải đa phương thức) về việc chuyên chở được ký hợp đồng như quy định ở điều A3.

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

## **A9 Kiểm tra – bao bì– mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được gửi đi không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc vận chuyển hàng hoá do mình thu xếp. Bì đóng gói hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

## **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

## **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và quá cảnh qua nước khác.

### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a) Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ.

b) Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải chấp nhận việc giao hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4 và nhận hàng từ người chuyên chở tại cảng đến quy định.

### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4.

Người mua phải, nếu người mua không thông báo theo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc giao hàng với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải, theo quy định ở khoản A3(a), trả:

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4; và
- mọi chi phí và lệ phí liên quan tới hàng hoá trong quá trình vận chuyển cho tới nơi đến quy định, trừ khi những chi phí và lệ phí đó là do người bán trả theo hợp đồng vận tải; và
- chi phí dỡ hàng hoá trừ khi những chi phí và lệ phí đó là do người bán trả theo hợp đồng vận tải; và
- các chi phí phát sinh thêm do việc người mua không thông báo cho người bán như quy định ở điều B7, về hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày hết hạn thời hạn quy định cho việc gửi hàng, tuy nhiên với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và
- nếu có quy định, tất cả những loại thuế quan, thuế và lệ phí khác cũng như các chi phí làm thủ tục hải quan phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và nếu cần, quá cảnh qua nước khác trừ khi đã được tính vào cước phí của hợp đồng vận tải.

### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời gian gửi hàng và/hoặc nơi đến, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

**B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**



Người mua phải chấp nhận chứng từ vận tải như quy định ở điều A8 nếu chứng từ đó phù hợp với hợp đồng.

### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

Người mua phải cung cấp cho người bán khi được yêu cầu các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm.

## **DAF GIAO TẠI BIÊN GIỚI**

(... địa điểm quy định)

Điều kiện DAF (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Delivered At Frontier" dịch ra tiếng Việt là "Giao tại biên giới") có nghĩa là người bán giao hàng hoá được đặt dưới quyền định đoạt của người mua trên phương tiện vận tải chở đến, chưa dỡ ra, đã hoàn thành thủ tục thông quan xuất khẩu, nhưng chưa làm thủ tục thông quan nhập khẩu ở địa điểm và nơi quy định tại biên giới, nhưng chưa qua biên giới hải quan của nước liền kề. Thuật ngữ "biên giới" có thể được sử dụng cho bất kỳ đường biên giới nào kể cả biên giới của nước xuất khẩu. Do đó, điều đặc biệt quan trọng là đường biên giới cần phải được xác định một cách chính xác bằng cách luôn luôn phải quy định điểm đến và nơi đến trong điều kiện này.

Tuy nhiên, nếu các bên muốn người bán chịu trách nhiệm về việc dỡ hàng hoá từ phương tiện vận tải chở đến và chịu mọi rủi ro và phí tổn về dỡ hàng, điều này cần được quy định rõ ràng bằng cách bổ sung từ ngữ cụ thể trong hợp đồng mua bán.

Điều kiện này có thể được sử dụng cho mọi phương thức vận tải khi hàng hoá được giao tại biên giới trên đất liền. Nếu việc giao hàng diễn ra ở cảng đến, trên boong tàu hoặc trên cầu cảng, thì nên sử dụng các điều kiện DES hoặc DEQ.

### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

#### **A1 Cung cấp hàng hoá theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

#### **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác hoặc chứng từ khác bắt buộc phải có để đặt hàng hoá dưới quyền định đoạt của người mua.

Người bán phải thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá đến nơi giao hàng quy định tại biên giới và quá cảnh qua nước khác.

#### **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

##### **a) Hợp đồng vận tải**

i) Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải để chuyên chở hàng hoá tới điểm quy định, nếu có, ở nơi giao hàng tại biên giới. Nếu không thoả thuận được hoặc không thể xác định được một điểm giao hàng tại biên giới trên thực tế, người bán có thể chọn một điểm ở nơi giao hàng quy định phù hợp nhất cho mình.

ii) Tuy nhiên, nếu được người mua yêu cầu, người bán có thể thoả thuận ký hợp đồng vận tải theo những điều kiện thông thường với rủi ro và chi phí do người mua chịu để tiếp tục chở hàng hoá vượt qua địa điểm quy định tại biên giới nơi đến cuối cùng bên trong nước nhập khẩu do người mua chỉ định. Người bán có thể từ chối ký hợp đồng như vậy, và nếu từ chối, người bán phải thông báo kịp thời cho người mua biết.

#### **b) Hợp đồng bảo hiểm**

Không có nghĩa vụ.

#### **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng dưới quyền định đoạt của người mua trên phương tiện vận tải chở đến và chưa dỡ ra ở nơi giao hàng quy định tại biên giới vào ngày hoặc trong thời hạn quy định.

#### **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

#### **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- ngoài chi phí phát sinh như quy định ở khoản A3(a), mọi chi phí liên quan đến hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4; và
- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như mọi loại thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác trước khi giao hàng như quy định ở điều A4.

#### **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết hàng hoá tới nơi quy định tại biên giới cũng như mọi thông báo khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng

#### **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

i) Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua chứng từ vận tải thông thường hoặc bằng chứng khác về việc giao hàng ở nơi quy định tại biên giới như quy định ở khoản A3(a)

ii) Người bán phải, nếu các bên thoả thuận tiếp tục vận chuyển hàng hoá qua biên giới như quy định ở khoản A3(a) ii), cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, chứng từ vận tải chở suốt thường lấy được ở nước gửi hàng dùng cho việc chuyên chở hàng hoá với các điều khoản thông thường từ địa điểm gửi hàng ở nước đó tới nơi đến cuối cùng ở nước nhập khẩu do người mua chỉ định.

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

#### **A9 Kiểm tra – bao bì – mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thoả thuận hoặc thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá của hợp đồng được giao không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng tại biên giới và vận chuyển tiếp theo trong phạm vi các tình huống liên quan đến việc vận chuyển (ví dụ phương thức vận tải, nơi đến) đã được người bán biết trước khi ký hợp đồng mua bán. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

#### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở Điều A8) được ký hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

### **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

#### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

#### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác hoặc các chứng từ khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và vận chuyển tiếp theo

#### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a) Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ.

b) Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

#### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải nhận hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4.

#### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

Người mua phải, nếu người mua không thông báo theo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc giao hàng với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

#### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải trả:

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4, bao gồm chi phí dỡ hàng cần thiết để nhận hàng hoá từ phương tiện vận tải chở đến tại địa điểm quy định tại biên giới; và

- mọi chi phí phát sinh thêm nếu người mua không nhận hàng hoá khi đã được giao như quy định ở điều A4, hoặc không gửi thông báo như quy định ở điều B7, với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và

- nếu có quy định, chi phí về thủ tục hải quan cũng như mọi loại thuế và các lệ phí khác phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và vận chuyển tiếp theo.

#### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời điểm trong thời hạn quy định và/hoặc điểm nhận hàng tại nơi quy định, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

#### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận chứng từ vận tải và/hoặc bằng chứng khác về việc giao hàng như quy định ở điều A8.

#### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

#### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.

Nếu cần thiết, theo khoản A3(a) ii), người mua phải cung cấp cho người bán, theo yêu cầu của người bán và do người mua chịu rủi ro và chi phí, các giấy phép, chứng từ khác cho phép trao đổi ngoại hối hoặc bản sao có chứng nhận về việc đó, hoặc địa chỉ nơi đến cuối cùng của hàng hoá nước nhập khẩu để lấy được chứng từ vận tải chở suốt hoặc bất kỳ chứng từ nào khác quy định ở khoản A8 ii)

## **DES GIAO TẠI TÀU**

(... cảng đến quy định)

Điều kiện DES (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Delivered Ex Ship" dịch ra tiếng Việt là "Giao tại tàu") có nghĩa là người bán giao hàng hoá được đặt dưới quyền định đoạt của người mua trên boong tàu chưa làm thủ tục thông quan nhập khẩu ở cảng đến quy định. Người bán phải chịu mọi phí tổn và rủi ro liên quan đến việc đưa hàng hoá tới cảng đến quy định trước khi dỡ hàng. Nếu các bên muốn người bán chịu phí tổn và rủi ro về việc dỡ hàng, thì nên sử dụng điều kiện DEQ.

Điều kiện này chỉ có thể được sử dụng khi hàng hoá được giao hàng đường biển hoặc đường thủy nội địa hoặc bằng vận tải đa phương thức trên một tàu ở cảng đến.

### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

#### **A1 Cung cấp hàng hoá theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

## **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác hoặc chứng từ khác, và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu hàng hoá đến nơi giao hàng quy định tại biên giới và quá cảnh qua nước khác.

## **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

### **a) Hợp đồng vận tải**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải để chuyên chở hàng hoá tới điểm quy định, nếu có, ở cảng đến quy định. Nếu không thể thoả thuận được hoặc không thể xác định được một điểm đến cụ thể trên thực tế, người bán có thể chọn một điểm ở cảng đến phù hợp nhất cho mình

### **b) Hợp đồng bảo hiểm**

Không có nghĩa vụ.

## **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng dưới quyền định đoạt của người mua trên boong tàu tại địa điểm dỡ hàng nói ở khoản A3(a), ở cảng đến quy định vào ngày hoặc trong thời hạn quy định, theo một cách thức thuận tiện cho việc di chuyển hàng hoá ra khỏi tàu bằng thiết bị dỡ hàng phù hợp với tính chất của hàng hoá .

## **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

## **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- Ngoài chi phí phát sinh như quy định ở khoản A3(a), mọi chi phí liên quan đến hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4; và
- Nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như mọi loại thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác trước khi giao hàng như quy định ở điều A4.

## **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết về dự kiến thời gian đến của chiếc tàu được chỉ định như quy định ở điều A4, cũng như mọi thông báo khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng.

## **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua lệnh giao hàng và/hoặc chứng từ vận tải thông thường (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng được, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng được, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa, hoặc một chứng từ vận tải đa phương thức) để giúp cho người mua nhận hàng hoá từ người chuyên chở ở cảng đến.

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

## **A9 Kiểm tra – bao bì – mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá được giao không cần bao gói) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng hoá. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký phát hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hoá, và nếu cần thiết, để quá cảnh qua nước khác.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

## **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá.

### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a)Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ.

b)Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ.

### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải nhận hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4.

### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

Người mua phải, nếu người mua không thông báo theo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc giao hàng với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải trả:

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định điều A4, bao gồm chi phí dỡ hàng cần thiết để nhận hàng hoá từ tàu; và
- mọi chi phí phát sinh thêm nếu người mua không nhận hàng hoá khi đã được đặt dưới quyền định đoạt của người mua như quy định ở điều A4, hoặc không gửi thông báo như quy định ở điều B7, với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và

- nếu có quy định, chi phí về thủ tục hải quan cũng như mọi loại thuế và các lệ phí khác phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá.

#### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời điểm trong thời hạn quy định và/hoặc điểm nhận hàng tại nơi quy định, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

#### **B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận lệnh giao hàng hoặc chứng từ vận tải như quy định ở điều A8.

#### **B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

#### **B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10

## **DEQ GIAO TẠI CẦU CẢNG**

(... cảng đến quy định)

Điều kiện DEQ (viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh "Delivered Ex Quay" dịch ra tiếng Việt là "Giao tại cầu cảng") có nghĩa là người bán giao hàng hoá được đặt dưới quyền định đoạt của người mua, chưa làm thủ tục thông quan nhập khẩu trên cầu tàu ở cảng đến quy định. Người bán phải chịu phí tổn và rủi ro liên quan đến việc đưa hàng tới cảng đến quy định và dỡ hàng lên cầu tàu. Điều kiện DEQ đòi hỏi người mua phải làm thủ tục thông quan nhập khẩu hàng hoá và trả chi phí cho mọi thủ tục, thuế quan, thuế và các lệ phí khác đối với việc nhập khẩu.

Đây là một quy định ngược lại với các bản Incoterms trước đây. Theo các bản Incoterms cũ điều kiện này đòi hỏi người bán phải làm thủ tục thông quan nhập khẩu.

Nếu các bên muốn quy định cho người bán nghĩa vụ phải chịu toàn bộ hoặc một phần phí tổn phải trả khi nhập khẩu hàng hoá, điều này nên được quy định rõ ràng bằng cách bổ sung thêm từ ngữ cụ thể trong hợp đồng mua bán.

Điều kiện này chỉ có thể được sử dụng khi hàng hoá được giao hàng bằng đường biển, hoặc đường thuỷ nội địa hoặc vận tải đa phương thức khi dỡ khỏi tàu lên cầu tàu ở cảng đến quy định. Tuy nhiên nếu các bên muốn quy định cho người bán nghĩa vụ phải chịu phí tổn và rủi ro trong việc dịch chuyển hàng hoá từ cầu tàu tới một nơi khác (nhà kho, nhà ga, bến đỗ, phương tiện vận tải v.v...) ở bên trong hoặc bên ngoài cảng, thì nên sử dụng điều kiện DDU hoặc DDP.

#### **A NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN**

##### **A1 Cung cấp hàng hoá theo đúng hợp đồng**

Người bán phải cung cấp hàng hoá và hoá đơn thương mại hoặc thông điệp điện tử tương đương, theo đúng hợp đồng mua bán và cung cấp mọi bằng chứng về việc đó nếu hợp đồng yêu cầu.

## **A2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người bán phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép xuất khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác hoặc chứng từ và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan khác bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác.

## **A3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

### **a) Hợp đồng vận tải**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, ký hợp đồng vận tải để chuyên chở hàng hoá tới cầu tàu quy định ở cảng đến quy định. Nếu các bên không thoả thuận được về một cầu tàu cụ thể hoặc không thể xác định được trên thực tế, người bán có thể chọn một cầu tàu ở cảng đến quy định phù hợp nhất cho mình

### **b) Hợp đồng bảo hiểm**

Không có nghĩa vụ.

## **A4 Giao hàng**

Người bán phải giao hàng dưới quyền định đoạt của người mua trên cầu tàu nói ở khoản A3 a), vào ngày hoặc trong thời hạn quy định.

## **A5 Chuyển rủi ro**

Người bán phải, theo quy định ở điều B5, chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

## **A6 Phân chia phí tổn**

Người bán phải, theo quy định ở điều B6, trả

- ngoài chi phí phát sinh như quy định ở khoản A3 a), mọi chi phí liên quan đến hàng hoá cho đến thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4; và
- nếu có quy định, chi phí về các thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc xuất khẩu, cũng như mọi loại thuế quan, thuế và các lệ phí khác phải nộp khi xuất khẩu và quá cảnh qua nước khác trước khi giao hàng.

## **A7 Thông báo cho người mua**

Người bán phải thông báo đầy đủ cho người mua biết về dự kiến thời gian đến của chiếc tàu được chỉ định như quy định ở điều A4, cũng như mọi thông báo khác, khi được yêu cầu, để tạo điều kiện cho người mua tiến hành các biện pháp cần thiết để nhận hàng.

## **A8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người bán phải, bằng chi phí của mình, cung cấp cho người mua lệnh giao hàng và/hoặc chứng từ vận tải thông thường (ví dụ một vận đơn có thể chuyển nhượng được, một giấy gửi hàng đường biển không thể chuyển nhượng được, một chứng từ vận tải đường thủy nội địa, một chứng từ vận tải đa phương thức) để giúp họ nhận và di chuyển hàng hoá ra khỏi cầu tàu.

Nếu người bán và người mua thoả thuận trao đổi thông tin bằng điện tử, chứng từ nói trên có thể được thay thế bằng một thông điệp điện tử (EDI) tương đương.

## **A9 Kiểm tra – bao bì – mã hiệu**

Người bán phải trả phí tổn cho các hoạt động kiểm tra (như kiểm tra chất lượng, đo lường, cân đong, tính, đếm) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng như quy định ở điều A4.

Người bán phải, bằng chi phí của mình, đóng gói hàng hoá (trừ khi theo thông lệ của ngành hàng thương mại cụ thể hàng hoá của hợp đồng được giao không cần bao



gói) bắt buộc phải có đối với việc giao hàng hoá. Bì đóng hàng phải được ghi ký mã hiệu phù hợp.

### **A10 Nghĩa vụ khác**

Người bán phải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và chi phí, giúp đỡ người mua để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương (ngoài những chứng từ nêu ở điều A8) được ký hoặc truyền đi tại nước gửi hàng và/hoặc nước xuất xứ mà người mua cần có để nhập khẩu hàng hóa.

Người bán phải cung cấp cho người mua, theo yêu cầu của người mua, các thông tin cần thiết để mua bảo hiểm cho hàng hoá.

## **B NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA**

### **B1 Trả tiền hàng**

Người mua phải trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng mua bán.

### **B2 Giấy phép, cho phép và thủ tục**

Người mua phải tự chịu rủi ro và chi phí để lấy giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép chính thức khác hoặc các chứng từ khác và thực hiện, nếu có quy định, mọi thủ tục hải quan bắt buộc phải có đối với việc nhập khẩu hàng hoá và vận chuyển tiếp theo

### **B3 Hợp đồng vận tải và hợp đồng bảo hiểm**

a)Hợp đồng vận tải

Không có nghĩa vụ

b)Hợp đồng bảo hiểm

Không có nghĩa vụ

### **B4 Nhận hàng**

Người mua phải nhận hàng khi hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4.

### **B5 Chuyển rủi ro**

Người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hoá kể từ thời điểm hàng hoá đã được giao như quy định ở điều A4

Người mua phải, nếu người mua không thông báo theo như quy định ở điều B7, chịu mọi rủi ro đối với hàng hoá kể từ ngày quy định hoặc ngày cuối cùng của thời hạn quy định cho việc giao hàng với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng.

### **B6 Phân chia phí tổn**

Người mua phải trả

- mọi chi phí liên quan tới hàng hoá kể từ thời điểm hàng đã được giao như quy định ở điều A4, bao gồm chi phí dịch chuyển hàng hoá ở cảng phục vụ cho việc vận tải tiếp theo hoặc để bảo quản trong nhà kho hoặc ga cảng; và

- mọi chi phí phát sinh thêm nếu người mua không nhận hàng hoá khi đã được giao như quy định ở điều A4, hoặc không thông báo như quy định ở điều B7, với điều kiện là hàng hoá đã được cá biệt hoá rõ ràng là thuộc hợp đồng, tức là được tách riêng ra hoặc được xác định bằng cách khác là hàng của hợp đồng; và

- nếu có quy định, chi phí về thủ tục hải quan cũng như mọi loại thuế và các lệ phí khác phải nộp khi nhập khẩu hàng hoá và vận chuyển tiếp theo.

### **B7 Thông báo cho người bán**

Người mua phải, trong trường hợp người mua có quyền quyết định về thời điểm trong thời hạn quy định và/hoặc điểm nhận hàng tại nơi quy định, thông báo cho người bán đầy đủ về các chi tiết đó.

**B8 Bằng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông điệp điện tử tương đương**

Người mua phải chấp nhận lệnh giao hàng hoặc chứng từ vận tải như quy định ở điều A8.

**B9 Giám định hàng hoá**

Người mua phải trả phí tổn cho mọi giám định trước khi gửi hàng, trừ khi việc giám định đó được tiến hành theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

**B10 Nghĩa vụ khác**

Người mua phải trả mọi phí tổn và lệ phí phát sinh để lấy các chứng từ hoặc thông điệp điện tử tương đương như nêu trong điều A10 và hoàn trả cho người bán những phí tổn mà người bán phải gánh chịu trong việc giúp đỡ người mua như quy định ở điều A10.